

了凡四訓



Hán văn:
Viên Liễn Phầm

Việt dịch:
BBD Pháp Âm Tuyên Lưu



Nhà Xuất Bản Hồng Đức

Chủ biên và hiệu đính:
Minh Trí

Thành viên chuyển ngữ:
Tuệ An, Nhu Thuận



GIỚI THIỆU SÁCH LIỄU PHÀM TỨ HUẤN

Tên sách: Liễu Phàm Tứ Huấn

Tên khác: “Mệnh Tự Ngã Lập” và
“Huấn Tử Văn”

Tác giả: Viên Liễu Phàm, tên thật là Viên Hoàng (1533-1606), ban đầu tên là Biểu, sau đổi lại là Hoàng, tự Khánh Viễn, cũng có tự là Khôn Nghi, Nghi Phủ. Ban đầu lấy hiệu là Học Hải, sau đổi thành Liễu Phàm. Người đời sau thường gọi ông là Liễu Phàm.

Năm sáng tác: Sáng tác vào năm

1602 sau Công Nguyên, Đời Minh.

Xuất xứ của tác phẩm: Huấn Từ Văn (Bài Văn Dạy Con)

Thể loại văn học: Gia huấn (giáo dục trong gia đình)

Liễu Phàm Tứ Huấn có tên gọi khác là Mệnh Tự Ngã Lập (Mệnh Do Ta Tạo), là một quyển sách giáo dục về trồng đức lập mệnh, tu thân trị thế. Sách được hoàn thành vào năm 1602 sau Công nguyên, toàn văn chia thành bốn phần. Tác giả là Viên Hoàng đời nhà Minh, tự Khôn Nghi, sau đổi tên thành Liễu Phàm. Trước khi bước vào con đường khoa cử, bởi người xem tướng đoán mệnh đã dự đoán công danh của ông trong tương lai, kết quả đều ứng nghiệm, vì vậy Liễu Phàm cho rằng không thể thay đổi vận mệnh, tuổi thọ trong mệnh của ông là 53 tuổi, không con nối dõi.

Về sau vào năm 1569, ông gặp được thiền sư Vân Cốc, sau khi được thiền sư Vân Cốc dạy chú Chuẩn Đề và giảng giải vận mệnh thực sự có thể thay đổi, Liễu Phàm tích cực hành thiện giúp người nên đã thay đổi vận mệnh của bản thân. Ông không những không qua đời vào năm 53 tuổi mà còn sinh được con trai, năm 69 tuổi ông viết quyển Liễu Phàm Tứ Huấn. Liễu Phàm Tứ Huấn chính là bài văn mà Viên Liễu Phàm muốn dạy dỗ chỉ bảo con trai mình, thông qua trải nghiệm của bản thân mà giảng rõ quá trình thay đổi vận mệnh. Vốn là muốn dạy bảo con trai mình nên ông đặt tên sách là Huấn Tử Văn (Bài Văn Dạy Con), sau này vì muốn chỉ bảo người đời nên sửa lại thành tên Liễu Phàm Tứ Huấn.



LIÊU PHẠM TỬ HUÂN

Hán văn: Viên Liễu Phàm

Việt dịch: BBD Pháp Âm Tuyên Lưu

Phần thứ nhất: Học thuyết lập mệnh (nói rõ vận mệnh của con người là khẳng định do mình tạo nên, chứ không phải bị mệnh số trời buộc).

Phần thứ hai: Phương pháp sửa lỗi (bắt đầu sửa từ lỗi lầm nhỏ thì tự nhiên sẽ không phạm sai lầm lớn).

Phần thứ ba: Phương pháp tích thiện (làm nhiều việc thiện giúp đỡ

người khác, tích nhiều việc thiện thì vận mệnh tự nhiên cũng được thay đổi).

Phần thứ tư: Hiệu quả đức khiêm
(sống chung với người, đối đãi với người phải khiêm hạ, từ đây mà học tập thì tự nhiên sẽ có sự tiến bộ).



HỌC THUYẾT LẬP MỆNH

Khi tôi còn nhỏ cha đã qua đời¹. Mẹ tôi bảo tôi từ bỏ con đường công danh khoa cử để theo học nghề y, mẹ bảo: “Học y có thể duy trì cuộc sống, lại có thể cứu giúp người khác. Hơn nữa, nếu có thể tinh thông y thuật thì sẽ trở thành danh y nổi tiếng, đó là tâm nguyện trước đây của cha con.”

1 Bản văn này ban đầu được ông viết ra để dạy con, nên một số đại từ nhân xưng được dùng tương ứng trong quan hệ cha con. Khi chuyển dịch chúng tôi đã có một vài chỉnh sửa nhỏ về cách xưng hô để thích hợp hơn với đa số độc giả, vì xét thấy việc này không làm thay đổi ý chính của bản văn.

Sau đó ở chùa Từ Vân, tôi gặp một ông lão tướng mạo phi phàm, râu dài phất phới, phong thái nhẹ nhàng như tiên ông. Tôi cung kính hành lễ với ông. Ông lão nói với tôi: “Cậu là người trong quan trường, năm sau sẽ thi đỗ tú tài, vì sao không đi học?” Tôi liền nói rõ nguyên nhân và hỏi tên họ của ông, nhà ở đâu. Ông lão trả lời rằng: “Ta họ Khổng, người Vân Nam. Ta được chân truyền thuật Hoàng Cực Số của tiên sinh Thiệu Khang Tiết², theo số mệnh thì ta nên truyền lại cho cậu.”

Tôi liền mời ông lão ấy về nhà, đem

2 Thiệu Khang Tiết hay Thiệu Ung (1011-1071), tự là Nghiêu Phu, hiệu là Khang Tiết, sống vào đời Bắc Tống. Ông nghiên cứu kinh Dịch tinh thâm, sáng lập thuật bói Mai Hoa Dịch Số lừng danh. Bộ sách Mai Hoa Dịch Số của ông được xếp vào tứ đại kỳ thư. Ông còn được coi là một trong những nhà sáng lập Lý học, tuy không nổi tiếng như Chu Đôn Di, Trình Hạo v.v... Một tác phẩm lừng lẫy khác của ông là bộ Hoàng Cực Kinh Thế được coi là nền tảng cho sự tổng hợp hoàn thiện giữa tư tưởng của kinh Dịch và Đạo gia.

mọi việc trình lên với mẹ. Mẹ nói: “Phải tiếp đãi ông chu đáo, rồi mời ông đoán mệnh cho con thử xem”, những việc rất nhỏ ông đoán đều chính xác. Tôi bèn khởi lên ý niệm muốn đi học. Tôi bàn bạc với anh họ tên là Thẩm Xứng. Anh bảo: “Tiên sinh Uất Hải Cốc đang ở nhà Thẩm Hữu Phu dạy tư thực, anh đưa em đến trọ học ở đó sẽ rất thuận tiện.” Do vậy, tôi lạy tiên sinh Uất Hải Cốc làm thầy.

Khổng tiên sinh đoán mệnh cho tôi khi thi huyện đứng thứ 14, thi phủ đứng thứ 71, thi đề học đứng thứ 9. Sang năm đi thi thứ tự ở ba nơi đều đúng như Khổng tiên sinh đã dự đoán. Lại đoán cát hung họa phúc cả đời cho tôi. Ông nói năm nào sẽ thi đỗ hạng mấy, năm nào sẽ được chọn làm lẫm sinh³, năm

3 Lẫm sinh: người học trò được nhận học bổng (bằng lúa gạo), do triều đình chu cấp.

nào sẽ được chọn làm cống sinh⁴. Sau khi xuất cống, đến năm đó sẽ được chọn làm huyện trưởng tỉnh Tứ Xuyên. “Cậu nhận chức huyện trưởng 3 năm rưỡi thì sẽ từ chức về quê. Vào giờ Sửu, ngày 14 tháng 8, năm 53 tuổi sẽ mất tại nhà, đáng tiếc cậu không có con.” Tôi ghi chép từng điều lại và nhớ kỹ trong tâm.

Từ đó về sau, hễ đến kỳ thi, thứ hạng thi trước sau đều đúng như dự đoán của Khổng tiên sinh. Chỉ có một lần, Khổng tiên sinh đoán tôi khi làm lầm sinh phải nhận đủ 91 thạch 5 đấu gạo⁵ thì mới được lên cống sinh. Nhưng khi tôi nhận được hơn 70 thạch gạo thì Tôn sư họ Đồ liền phê chuẩn cho tôi làm cống sinh, nên trong tâm tôi có chút hoài nghi về sự tiên đoán của

4 Cống sinh: nho sinh giỏi, được chọn lên kinh đô theo học để chuẩn bị cho kỳ thi tại kinh đô.

5 Các đơn vị đo lường thời xưa. Mỗi thạch bằng khoảng 100 lít, 10 đấu bằng một thạch.

Khổng tiên sinh. Sau đó, quả nhiên bị vị quan thay quyền họ Dương bác bỏ. Mãi đến năm Đinh Mão⁶, tôn sư Ân Thu Minh thấy bài thi dự bị của tôi trong trường thi thì cảm thán rằng: “Năm bài sách luận trong bài thi này giống như năm bản tấu chương dâng lên Hoàng thượng vậy. Làm sao có thể chôn vùi tài năng của một Nho sinh có học vấn uyên bác, thâm sâu như vậy được!” Bèn chiếu theo công văn trình lên huyện lần trước phê chuẩn cho tôi được bổ cống. Lúc ấy, cộng cả số gạo đã ăn trước đây quả nhiên là 91 thạch 5 đấu. Từ việc đó tôi càng tin chắc rằng sự thăng trầm của một người đều đã được định sẵn trong mệnh, mọi việc nhanh hay chậm đều có thời gian nhất định, nên đối với mọi việc tôi rất bình thản, không mong cầu gì nữa.

6 Tức là năm 1567.

Sau khi làm cống sinh tôi đến Bắc Kinh, tôi ở lại kinh đô một năm, suốt ngày tĩnh tọa, hết thấy kinh sách đều không xem. Năm Kỷ Ty⁷ trở về, vào học trong Quốc tử giám ở Nam Kinh. Lúc chưa vào học, trước tiên tôi đi thăm hỏi thiền sư Vân Cốc ở núi Thê Hà, hai người ngồi đối diện với nhau trong một căn phòng, ba ngày ba đêm không hề hôn trầm hay ngủ nghỉ. Thiền sư Vân Cốc hỏi:

- Một người sở dĩ không thể thành thánh nhân, chỉ là do họ bị vọng niệm trói buộc. Ông đã ngồi ở đây ba ngày rồi, nhưng ta không thấy ông khởi một vọng niệm nào, như vậy là sao?

Tôi trả lời rằng:

- Vận mệnh của con đã được Khổng tiên sinh dự đoán hết rồi; vinh nhục, sống chết đều có định số, dù muốn

7 Tức là năm 1569.

vọng tưởng cũng không còn gì để vọng tưởng nữa.

Thiền sư Vân Cốc cười nói:

- Ta ngỡ ông là bậc hào kiệt xuất chúng, hóa ra ông chỉ là một kẻ phàm phu.

Tôi hỏi nguyên do? Thiền sư nói:

- Con người chưa đạt đến mức vô tâm thì cuối cùng sẽ bị trói buộc bởi lẽ âm dương, nếu an tĩnh lại được thì không có số mệnh. Nhưng chỉ phàm nhân mới có số, người cực thiện sẽ không bị trói buộc bởi số mệnh, người cực ác cũng không bị trói buộc bởi số mệnh. Hai mươi năm qua ông đã bị trói buộc bởi sự đoán định của người khác, há chẳng phải là phàm phu sao?

Tôi liền hỏi:

- Vậy số mệnh có thể tránh được sao?

Thiền sư Vân Cốc nói:

- Mệnh do ta tạo, phước tự mình

cầu. Trong hết thầy kinh sách đều nói đạo lý này, quả thực là lời giáo huấn rất hay. Trong kinh Phật của chúng ta nói: *“Cầu phú quý được phú quý, cầu con trai con gái được con trai con gái, cầu trường thọ được trường thọ.”* Vọng ngữ là giới cấm quan trọng trong nhà Phật, lẽ nào chư Phật Bồ-tát lại dối gạt người sao?

Tôi hỏi tiếp:

- Mạnh tử nói rằng: “Cầu ắt sẽ được, đó là cầu ở chính mình.” Đạo đức nhân nghĩa là ở nơi chính mình, chỉ cần con cố gắng thì có thể đạt được, nhưng công danh phú quý là vật ngoài thân, vậy làm sao mà cầu được?

Thiền sư Vân Cốc nói:

- Mạnh tử nói không sai, mà do ông hiểu sai. Ông không thấy Lục Tổ dạy rằng: “Hết thầy phước điền không rời tâm địa, từ tâm này mà cầu, tâm chân thành thì không gì không được.” Cầu ở

chính mình, không những trong được đạo đức nhân nghĩa, mà ngoài cũng được công danh phú quý. Trong ngoài đều được, cầu như vậy sẽ có hiệu quả. Nếu không kiểm điểm lại lỗi lầm của bản thân mà mù quáng hướng ngoại tìm cầu, thì khi cầu phải có đạo lý, mà được hay không đều do số mệnh quyết định. Kết quả là trong ngoài đều mất, cho nên không có lợi ích.

Tiếp theo thiền sư hỏi tôi:

- Khổng tiên sinh đoán vận mệnh cả đời của ông như thế nào?

Tôi thật thà trình bày với thiền sư. Thiền sư Vân Cốc nói:

- Ông hãy xét lại mình xem có đáng đỗ đạt khoa cử không? Có đáng sinh được con không?

Tôi phản tỉnh rất lâu, rồi trả lời:

- Không thể! Những người đỗ đạt

khoa cử đa phần đều có tướng phước đức. Con vốn phước mỏng, lại không thể tích công lũy đức, hành thiện để làm nền tảng khiến phước đức sâu dày. Hơn nữa, con không thể nhẫn nại làm những việc phiền phức, không thể bao dung người khác, có khi còn cậy vào tài trí của mình để lấn áp người, tính tình bộc trực nghĩ sao nói vậy, nói năng tùy tiện. Tất cả những điều đó đều là tướng bạc phước, làm sao có thể đỗ đạt khoa cử cho được?

Chỗ đất bản thường nhiều sinh vật, chỗ nước trong thường không có cá, con lại ưa thích sạch sẽ, đây là lý do thứ nhất con không thể có con. Hòa khí có thể sinh trưởng vạn vật, mà con thường hay nổi nóng, đây là lý do thứ hai không thể có con. Từ ái là cội nguồn của sự sinh sôi bất tận, nhẫn tâm là gốc của sự không sinh trưởng. Con chỉ biết quý trọng danh tiết của chính mình, thường không thể

xả mình để cứu người, đây là lý do thứ ba con không thể có con. Nói nhiều tổn khí, đây là lý do thứ tư không thể có con. Thích uống rượu làm tổn hại tinh thần, đây là lý do thứ năm không thể có con. Thích ngồi tĩnh tọa suốt đêm mà không biết giữ gìn nguyên khí, bảo dưỡng tinh thần, đây là lý do thứ sáu không thể có con. Ngoài ra còn rất nhiều những lỗi lầm xấu ác nữa, không thể kể ra hết được.

Thiền sư Vân Cốc nói:

- Đâu chỉ có vấn đề khoa cử như ông nói. Ở thế gian, người hưởng tài sản ngàn vàng thì nhất định là người có phước báo ngàn vàng, người hưởng tài sản trăm lượng thì nhất định là người có phước báo trăm lượng, người bị chết đói thì nhất định là người phải nhận báo ứng chịu chết đói. Ông trời chẳng qua là tùy theo nghiệp báo của mỗi người mà một mực thi hành đó thôi, chứ đâu có thêm mảy may ý niệm nào ở trong đó.

Lấy việc sinh con mà nói, người có âm đức trăm đời thì nhất định sẽ có con cháu trăm đời đến giữ gìn phước của họ. Người có âm đức mười đời thì nhất định sẽ có con cháu mười đời đến giữ gìn phước của họ. Người có âm đức ba đời, hai đời thì nhất định có con cháu ba đời, hai đời đến giữ gìn phước của họ. Còn những người tuyệt hậu không con nối dõi là do âm đức của họ quá mỏng.

Nay ông đã biết mình sai ở đâu. Ông phải sửa đổi triệt để những lỗi lầm từ trước đến nay khiến ông không thi đỗ khoa cử và không thể sinh con nối dõi. Nhất định phải tích âm đức, nhất định phải bao dung người khác, nhất định phải hòa ái, nhất định phải quý trọng tinh thần. Hết thấy những việc trước đây xem như đã chết từ hôm qua, hết thấy những việc sau này xem như mới được sinh ra từ ngày hôm nay. Thân tái sinh này là con người nhân nghĩa đạo

đức hoàn toàn mới.

Thân thể bằng xương thịt này đương nhiên có định số, còn thân nhân nghĩa đạo đức lẽ nào không thể cảm thông với trời được sao? Chương Thái Giáp trong sách Thượng Thư có nói: *“Tai họa do trời giáng xuống còn có thể tránh, còn tai họa do chính mình tạo ra thì không thể thay đổi.”* Kinh Thi nói: *“Các bậc thánh hiền thường nói, hợp với lòng trời thì tự nhiên sẽ chiêu cảm được nhiều phúc.”* Khổng tiên sinh đoán ông không đỗ đạt khoa cử, không có con, đây là trời giáng tai họa cho ông, nhưng vẫn có thể tránh được. Nay ông hãy nâng cao đức hạnh, nỗ lực làm thiện, rộng tích âm đức, đây là phúc do chính ông tu tích được thì vì sao ông không thể hưởng?

Kinh Dịch chỉ bày cho người quân tử cách cầu lành tránh dữ. Nếu nói số mệnh không thể thay đổi, vậy điều lành làm sao có thể cầu, điều dữ làm sao có

thể tránh. Chương đầu tiên của kinh Dịch nói rằng: “*Nhà tích điều thiện ắt thừa niềm vui.*” Ông có thể tin được điều này không?

Tôi tin tưởng lời của thiền sư, liền lạy tạ rồi xin nhận lãnh lời dạy bảo. Do đó, tôi đem tất cả những lỗi lầm trước đây, đối trước Phật chí tâm phát lộ sám hối, đồng thời viết thành một bài sớ trình bày tất cả. Trước tiên cầu thi đỗ cử nhân, nguyện làm đủ 3.000 điều thiện để báo đáp ân đức của trời đất, tổ tiên.

Thiền sư liền lấy một bản Công Quá Cách đưa cho tôi xem, bảo tôi ghi chép tất cả việc làm hằng ngày lại. Việc thiện thì cộng thêm, việc xấu ác thì trừ đi. Ngài còn dạy tôi trì chú Chuẩn Đề, qua một thời gian ắt có sự linh nghiệm. Thiền sư nói với tôi rằng:

- Những người vẽ bùa chú thường nói: “Vẽ bùa không đúng cách sẽ bị quỷ

thần chê cười.” Vẽ bùa có một phép bí truyền, đó là trong lúc vẽ không được khởi tâm động niệm. Khi cầm bút lên vẽ, trước tiên phải buông bỏ hết thảy vạn duyên, một niệm cũng không khởi. Từ chỗ trong tâm không chút động niệm như thế liền hạ bút chấm một điểm, gọi là hỗn độn khai cơ. Từ điểm đó, liên tục vẽ cho đến khi xong lá bùa. Trong quá trình vẽ mà không khởi lên một vọng niệm nào thì lá bùa đó sẽ linh nghiệm. Phạm là việc cầu trời để thay đổi số mệnh đều phải từ tâm địa thanh tịnh mà cầu thì cảm ứng tương thông.

Mạnh tử luận về học thuyết lập mệnh nói rằng: “*Đoản mệnh và trường thọ chẳng phải hai.*” Nếu cho đoản mệnh và trường thọ là hai sự việc, vậy khi không khởi tâm động niệm thì ai đoán mệnh, ai trường thọ? Nếu chia nhỏ ra để nói, biết được sung túc và thiếu thốn không hai, sau đó mới có thể lập mệnh giàu

nghèo; khốn khó và hanh thông không hai, sau đó mới có thể lập mệnh sang hèn; đoản mệnh và trường thọ không hai, sau đó mới có thể lập mệnh sanh tử. Con người ở thế gian coi việc sanh tử là quan trọng nhất nên Mạnh tử chỉ nói về đoản mệnh và trường thọ, nhưng kỳ thực hết thảy mọi việc thuận nghịch đều bao gồm ở trong câu này rồi.

Cho đến vấn đề tu thân và chờ đợi mọi việc, đây là việc tích đức, cầu trời chuyển đổi vận mệnh. Nói “tu” có nghĩa là khi thân có lỗi lầm thì đều phải sửa đổi và trừ bỏ ngay. Nói đến “đợi” là khi tâm khởi mong cầu, khi trong tâm loạn khởi vọng niệm thì đều phải trừ bỏ sạch sẽ. Đạt đến mức như vậy, đó là đến cảnh giới tâm thanh tịnh không động niệm. Đây chính là học vấn chân thật.

Tuy ông chưa đạt được cảnh giới vô tâm, nhưng nếu có thể trì chú Chuẩn Đề đến mức không nhớ số lượng, không

để gián đoạn, trì đến khi thuận thực rồi thì sẽ đạt được cảnh giới trì mà không trì, không trì mà trì. Trì đến lúc ý niệm không khởi nữa thì sẽ thấy linh nghiệm.

Trước đây tôi hiệu là Học Hải, ngày hôm đó đã đổi thành Liễu Phàm. Bởi vì tôi đã hiểu rõ đạo lý lập mệnh nên tôi không muốn rơi vào trong khuôn khổ của phàm phu nữa. Từ đó trở đi, cả ngày tôi đều thận trọng dè dặt, cảm thấy hoàn toàn khác so với trước đây. Trước đây, tôi thường buông thả phóng túng, còn bây giờ bản thân luôn thận trọng lo sợ [mắc phải lỗi lầm]. Ở trong phòng tối [không ai thấy] cũng thường sợ đắc tội với thiên địa quỷ thần. Khi gặp phải người oán ghét, hủy báng nhưng tôi vẫn có thể thản nhiên chấp nhận.

Đến năm sau, Lễ bộ mở khoa thi, Khổng tiên sinh đoán tôi đỗ hạng ba, đột nhiên thi được hạng nhất. Lời tiên đoán của Khổng tiên sinh đã bắt đầu

không linh nghiệm. Đến kỳ thi Hương, vào mùa thu tôi đã thi đỗ cử nhân. Tuy nhiên tôi hành thiện vẫn chưa thuần thực, kiểm điểm ngôn hành của mình còn quá nhiều lỗi lầm. Hoặc thấy việc thiện nhưng làm chưa tận tâm, hoặc khi cứu giúp người nhưng trong tâm còn do dự phân vân, hoặc có khi thân miễn cưỡng làm điều thiện nhưng trong tâm, lời nói lại có lỗi lầm, hoặc khi tỉnh táo thì giữ gìn được phẩm hạnh nhưng khi uống say thì lại buông thả phóng túng. Lấy công trừ tội [chỉ sợ vẫn chưa đủ], để ngày ngày trôi qua một cách uống phí. Phát nguyện từ năm Kỷ Tỵ, mãi đến năm Kỷ Mão⁸, trải qua 10 năm tôi mới làm xong 3.000 điều thiện.

Lúc đó tôi đang cùng tiên sinh Lý Tiệm Am đến Sơn Hải quan nên chưa kịp hồi hương. Năm Canh Thìn⁹ trở về

8 Tức là năm 1579.

9 Tức là năm 1580.

miền Nam, thỉnh hai vị hòa thượng là Tánh Không và Huệ Không làm lễ hồi hướng tại thiên đường Đông Tháp. Sau đó bèn phát nguyện cầu sinh con, và cũng hứa làm 3.000 điều thiện. [Hai năm sau], tức năm Tân Ty¹⁰ sinh được con trai đặt tên là Thiên Khải.

Mỗi khi tôi làm một việc thiện thì đều lấy bút ghi lại. Vợ tôi không biết chữ nên mỗi khi làm được một việc thiện liền lấy lông ngỗng vẽ một vòng tròn đỏ lên tờ lịch. Hoặ bố thí thức ăn cho người nghèo, hoặc mua vật phóng sanh, có khi một ngày làm được hơn mười vòng tròn. Đến tháng 8 năm Quý Mùi¹¹ đã hoàn thành 3.000 việc thiện. Lại thỉnh hòa thượng Tánh Không đến nhà làm lễ hồi hướng. Ngày 13 tháng 9 tôi lại phát nguyện cầu thi đỗ tiến sĩ. Tôi hứa làm 10.000 điều thiện, năm Bính

10 Tức là năm 1581.

11 Tức là năm 1583.

Tuất¹² thì thi đỗ, được bổ nhiệm làm tri huyện Bảo Đức.

Tôi chuẩn bị một cuốn sổ trắng, đặt tên là Sổ Trị Tâm. Mỗi buổi sáng lên công đường, tôi dặn gia nhân trao cuốn sổ đó cho nha dịch, bảo họ để lên bàn làm việc của tôi. Mỗi việc thiện ác làm trong ngày hôm đó, dù nhỏ nhất đến đâu tôi cũng ghi chép tỉ mỉ vào đó. Mỗi buổi tối, tôi noi gương ông Triệu Duyệt Đạo¹³ bày hương án trước sân,

12 Tức là năm 1586.

13 Triệu Duyệt Đạo, người Cù Châu thuộc tỉnh Chiết Giang, tên thật là Triệu Biện, tên tự là Duyệt Đạo, tự lấy hiệu là Tự Phi, sinh năm 1008, mất năm 1084. Ông là một cư sĩ Phật giáo nổi danh, được ghi chép trong Trung Quốc Phật học Nhân danh từ điển (trang 59) và Ngũ Đẳng Hội Nguyên (quyển 16). Ông tánh tình cương trực, sau khi đỗ tiến sĩ đã từng trải qua nhiều chức quan ở các châu, quận. Đời Tống Nhân Tông, ông giữ chức Ngự sử, thường chính trực thẳng thắn đến mức người ở kinh đô đều gọi ông là “Thiết diện Ngự sử” (quan Ngự sử mặt sắt). Tuổi già, ông chuyên tâm tu niệm, tự sửa mình bằng cách mỗi đêm đều mang tất cả những việc đã làm trong ngày trình cáo lên trời cao. Được 7 năm

đốt hương bảm báo với Ngọc Hoàng những việc đã làm trong ngày.

Vợ tôi thấy tôi không làm được nhiều việc thiện nên chau mày nói rằng: “Trước đây ở nhà tôi có thể giúp ông cùng làm việc thiện, nên 3.000 điều thiện mới được hoàn mãn. Nay ông phát nguyện làm 10.000 điều thiện, nhưng ở trong nha môn không có việc gì để làm. Vậy đến bao giờ mới có thể hoàn thành được đây?”

Nửa đêm, bỗng nhiên mộng thấy một vị thần, tôi bèn đem chuyện khó làm đủ 10.000 điều thiện nói với thần. Vị thần nói: “Chỉ cần một việc giảm thuế ruộng cho dân thì 10.000 điều thiện đã hoàn thành rồi.” Thuế ruộng ở huyện Bảo Đức, mỗi mẫu ruộng sẽ thu 2 phân 3 ly 7 hào¹⁴, tôi bèn kiểm tra xem

như thế rồi mới mất, thọ 76 tuổi.

14 Đơn vị tiền tệ khi ấy lấy tiền làm đơn vị. Cứ 1 tiền bằng với 10 phân, 1 phân bằng với 10 ly, 1 ly

xét lại, rồi giảm xuống còn 1 phân 4 ly 6 hào. Quả thật là có việc đó, nhưng tôi vẫn còn chút hoài nghi. Đúng lúc thiền sư Huyền Dư từ núi Ngũ Đài đến, tôi liền kể lại giấc mộng cho ngài nghe, rồi hỏi chuyện này có đáng tin hay không? Thiền sư nói: “Nếu dùng thiện tâm chân thành, khẩn thiết thì làm một điều thiện có thể tương đương với vạn điều thiện. Huống hồ ông giảm tiền thuế cho cả huyện, hàng vạn người dân được hưởng phước?” Tôi liền quyên góp tiền lương bổng của mình, nhờ thiền sư về núi Ngũ Đài làm lễ trai tăng, cúng dường 10.000 vị tăng để hồi hướng công đức.

Khổng tiên sinh đoán tôi 53 tuổi sẽ qua đời. Tôi cũng chưa từng cầu trường thọ, nhưng năm đó lại trôi qua bình an vô sự, năm nay tôi đã 69 tuổi rồi. Kinh Thư nói: “Đạo trời khó thể tin, mệnh số không

bằng với 10 hào.

nhất định.” Lại nói: “*Vận mệnh không phải là cố định.*” Những lời này đều là chân thật không hư dối. Tôi nhờ vậy mà hiểu được mọi việc họa phước đều do chính mình tự tạo. Đây là lời của thánh hiền, nếu nói họa phước là do trời định thì đó là ngôn luận của người thế tục.

Còn như khi chưa biết số mệnh như thế nào, thì dù gặp lúc vinh hiển, phải thường giữ tâm như lúc nghèo hèn; khi thời vận thuận lợi, phải thường giữ lòng như lúc gặp khó khăn; cho dù trước mắt sung túc đầy đủ, phải thường nghĩ như lúc nghèo khổ; khi được người quý mến kính trọng, phải thường cẩn thận dè dặt; khi gia thế được trọng vọng, phải thường nghĩ như lúc địa vị còn thấp hèn; khi học vấn cao thâm, phải thường nghĩ như lúc mình còn thiếu cạn.

Xa là nghĩ truyền thừa, xiển dương đức hạnh của tổ tiên, gần là nghĩ che đậy lỗi lầm của cha mẹ. Trên là nghĩ báo

ân quốc gia, dưới là nghĩ tạo phước cho gia đình. Ngoài là nghĩ giúp người lúc họ khó khăn, trong là nghĩ ngăn ngừa tà niệm của chính mình. Mỗi ngày cần phải biết được lỗi lầm của mình để mỗi ngày sửa đổi. Một ngày không biết lỗi của mình, an nhiên nghĩ ngày hôm đó mình không có lỗi, một ngày không có lỗi để sửa thì ngày hôm đó không có tiến bộ. Người thông minh tài trí trong thiên hạ rất nhiều, họ sợ dĩ không thể vun bồi đạo đức, sự nghiệp không thể hiển hách chính là do sống qua loa qua ngày, để uổng phí cả một đời.

Thuyết lập mệnh mà thiên sư Vân Cốc truyền dạy là đạo lý tinh túy nhất, thâm thúy nhất, chân thực nhất, chính xác nhất. Nhất định phải nghiền ngẫm cho thật kỹ rồi tận tâm tận lực mà làm, đừng để thời gian quý báu luống uổng trôi qua.



PHƯƠNG PHÁP SỬA LỖI

Các quan đại phu thời Xuân Thu nhìn thấy lời nói cử chỉ của một người thì đoán biết được họa phước của họ, thường rất ứng nghiệm. Có thể xem thấy những việc này trong sách Tả Truyện, Quốc Ngữ. Đa số điềm báo của cát hung đều khởi lên từ tâm rồi biểu hiện ra lời nói và việc làm. Những người nhân hậu rộng lượng thường được phước, những người hẹp hòi khắt khe thường gặp tai họa. Mất phạm tục không nhận rõ nên nói họa phước không nhất định, không thể dự đoán trước được. Tâm chí thành

hợp với lòng trời, khi thấy người tâm hạnh thiện lương thì biết trước phước của họ sắp đến, khi thấy người tâm hạnh bất thiện thì biết trước họ sắp gặp họa. Nay muốn được phước lành, tránh xa tai họa thì đừng vội bàn đến việc hành thiện mà hãy sửa đổi lỗi lầm trước.

Nhưng muốn sửa lỗi, thứ nhất là phải phát tâm hổ thẹn. Hãy nghĩ các vị thánh hiền thời xưa đều là trượng phu như ta, nhưng các ngài có thể làm bậc thầy của muôn đời, còn ta vì sao cả đời chỉ như gạch vụn vô dụng, mê đắm trần tình, lén lút làm những việc bất nghĩa, còn cho rằng không ai biết, ngạo mạn không chút hổ thẹn, ngày càng trầm luân vào đường cảm thú mà không hề hay biết. Trên thế gian không có việc gì đáng nhục nhã hổ thẹn bằng việc này. Mạnh tử nói: *“Việc quan trọng nhất của một người là biết hổ thẹn!”* Biết hổ thẹn sửa lỗi thì sẽ trở thành thánh hiền, còn

không biết hổ thẹn sửa lỗi thì chẳng khác gì cầm thú. Đây là chỗ then chốt của việc sửa lỗi.

Thứ hai là phải phát tâm kính sợ. Trời đất ở trên soi thấu, khó lừa dối được quỷ thần. Dù người đời không thấy tội lỗi của chúng ta nhưng thiên địa quỷ thần lại thấy rõ ràng tường tận. Tội nặng sẽ rước lấy mọi tai họa, tội nhẹ thì bị tổn giảm phước phần hiện có, ta làm sao không lo sợ cho được? Không chỉ như vậy, dù ở trong phòng tối, nhưng hành vi của ta đều bị thần minh dùng mắt nhìn, dùng tay chỉ; dù cố che giấu thật kín đáo, cố che đậy thật khéo léo, nhưng ý muốn và mong cầu trong lòng sớm đã lộ ra ngoài rồi, rốt cuộc cũng khó dối được lòng mình. Một khi bị người phát hiện thì chẳng đáng một xu. Làm sao có thể không cung kính dè dặt cho được? Không những như vậy, chỉ cần hơi thở còn chưa dứt, dù tội ác nặng

đến đâu thì vẫn có thể sám hối.

Trước đây có người cả đời tạo ác, đến khi lâm chung mới tỉnh ngộ, ăn năn, khởi lên một niệm thiện liền được an lành qua đời. Bởi vì một niệm dũng mãnh khẩn thiết cũng đủ để gột sạch tội ác trong suốt trăm năm. Ví như hang tối ngàn năm, vừa thắp lên một ngọn đèn thì bóng tối ngàn năm liền tan biến. Cho nên, tội lỗi bất luận là lâu hay mới, chỉ cần sửa được là quý. Nhưng thế gian vô thường, thân xác thịt này dễ mất, một khi hơi thở không còn thì muốn sửa cũng không kịp nữa. Trên dương gian phải chịu tiếng xấu trăm ngàn năm, dù có con hiếu cháu hiền cũng không thể rửa sạch. Dưới cõi âm thì bị trầm luân trăm ngàn kiếp trong địa ngục, dù thánh hiền, Phật Bồ-tát cũng không thể cứu giúp. Sao không lo sợ cho được?

Thứ ba là phải phát tâm dũng mãnh. Người đời không thể sửa lỗi,

phần nhiều là do chân chừ do dự. Ta nhất định phải phấn chấn mạnh mẽ vươn lên, không được chần chừ, không được chờ đợi. Lỗi nhỏ xem như gai đâm vào thịt, phải nhanh chóng nhổ ra. Lỗi lớn xem như rắn độc cắn ngón tay, phải lập tức chặt bỏ không chút do dự. Mạnh mẽ dứt khoát như quẻ Phong Lôi¹⁵ thì sẽ thành công.

Nếu có đủ ba thứ tâm này thì lỗi lầm đều sửa đổi được. Giống như băng mùa xuân gặp ánh mặt trời, lo gì không tan chảy? Tuy nhiên lỗi lầm của con người có thể sửa từ trên sự tướng, có thể

15 Đây là nói đến quẻ Phong Lôi Ích (風雷益) trong kinh Dịch. Quẻ này do quẻ Tốn ở trên và quẻ Chấn ở dưới gộp lại. Tốn biểu thị gió, chấn là sấm, nên gọi là phong lôi. Gió thổi nhanh chóng xua tan khí u ám, sấm chấn động đột ngột, cả hai thứ đều tạo lợi lạc, nên là ích. Xét theo Tượng Truyện của kinh Dịch thì quẻ này được giải thích là “lôi phong ích: quân tử dĩ kiến thiện tắc thiên, hữu quá tắc cải” (lôi và phong là ích: bậc quân tử thấy điều thiện bèn hướng theo, hề có lỗi bèn sửa đổi).

sửa từ trên đạo lý, cũng có thể sửa từ trên tâm niệm. Do phương pháp khác nhau nên hiệu quả cũng khác nhau.

Ví dụ trước đây phạm lỗi sát sanh, nay giữ giới không sát sanh; hoặc trước đây hay nóng giận, nay cố ngăn giữ không cho nóng giận, đây chính là sửa từ trên sự tướng. Sửa như vậy chỉ là miễn cưỡng kiềm chế bên ngoài nên vô cùng khó khăn, hơn nữa gốc bệnh của nó vẫn còn, thế nên tội này hết tội kia liền sanh. Đây không phải là phương pháp rốt ráo để trừ tận gốc lỗi lầm.

Người biết sửa lỗi thì trước khi ngăn ngừa mình phạm một lỗi nào đó, phải hiểu rõ đạo lý [tại sao ta không nên làm]. Ví dụ phạm lỗi sát sanh, hãy thường nghĩ rằng: Ông trời có đức hiếu sanh, muôn loài đều yêu tiếc sanh mạng, nay giết chúng để nuôi dưỡng thân mình, lòng ta có thể an ổn được sao? Hơn nữa loài vật bị giết, khi bị cắt

cổ, nhỏ lông, rồi lại bị bỏ vào nồi nấu nướng chiên xào, muôn vàn thống khổ, đau đớn thấu tận xương tủy. Ta ăn chúng để nuôi thân, nhưng dù có bày ra trăm món ngon vật lạ, khi qua khỏi cửa miệng cũng chẳng còn gì nữa. Com chay đạm bạc cũng đủ no bụng, vì sao phải giết hại chúng sanh khiến phước báo của mình bị tổn giảm? Lại nghĩ, phàm là những loài có khí huyết thì đều có tánh linh, mà đã có tánh linh thì đều cùng một thể với ta. Nay ta chưa thể tu tới mức đạo đức cao thượng, khiến chúng tôn kính ta, gần gũi ta, vậy thì làm sao có thể hằng ngày sát hại chúng, khiến chúng mãi mãi oán hận, căm thù ta? Vừa nghĩ như vậy ắt sẽ sanh lòng thương xót những loài vật đó, chẳng thể nuốt trôi qua cổ.

Ví dụ trước đây hay nổi nóng thì nên nghĩ rằng: Ai cũng có khuyết điểm, xét về tình thì ta nên thương xót họ mới

đúng. Nếu họ vô lý mạo phạm ta là lỗi của họ, liên quan gì đến ta? Cho nên, không có gì đáng để nổi giận. Lại nghĩ rằng, trong thiên hạ chẳng ai dám tự cho mình là bậc hào kiệt, cũng không có học vấn nào dạy ta oán trách người khác. Sự việc không thành đều là do ta chưa tu dưỡng tốt đức hạnh của mình nên không cảm động được người khác, ta phải quay lại phản tỉnh chính mình. Khi gặp phải sự hủy báng thì đều xem như cơ hội để mài dũa ta thành ngọc quý, nên ta phải hoan hỷ đón nhận, làm sao có thể sân giận được?

Lại nữa, nếu ta nghe lời phỉ báng mà không nổi giận, dù lời phỉ báng có ngang ngược ngất trời thì cũng chỉ như châm lửa đốt hư không mà thôi, cuối cùng lửa sẽ tự tắt. Nếu nghe lời phỉ báng mà nổi giận thì dù có khôn ngoan xảo biện đến đâu cũng chỉ như tầm xuân nhả tơ làm kén, tự trói buộc chính mình.

Nóng giận chẳng những vô ích mà còn gây hại nữa. Đối với những lỗi lầm khác thì đều nên y theo đạo lý này mà suy xét. Sáng tỏ đạo lý rồi thì tự nhiên sẽ không phạm lỗi lầm.

Thế nào là sửa từ trong tâm? Mặc dù lỗi lầm nhiều vô số, nhưng đều do tâm tạo ra. Nếu tâm ta bất động thì lỗi lầm từ đâu sinh ra? Người tu học mắc những lỗi lầm như ham sắc, ham danh, ham tài vật, ưa sân giận. Mọi lỗi lầm, không cần phải sửa từng điều một, chỉ cần nhất tâm hướng thiện, chánh niệm hiện tiền thì tà niệm tự nhiên không ô nhiễm được. Như mặt trời rực sáng giữa hư không, yêu ma quỷ quái thấy đều lẩn trốn hết. Đây là phương pháp sửa lỗi chân truyền tinh thuần duy nhất. Lỗi do tâm tạo cũng từ nơi tâm mà sửa. Như chặt cây độc, chỉ cần trực tiếp chặt tận gốc rễ của nó, đâu cần phải chặt từng cành, bẻ từng lá.

Phương pháp sửa lỗi cao minh nhất là trị tâm, khiến tâm luôn luôn thanh tịnh. Khi tà niệm vừa khởi liền phát giác, ngay đó tà niệm sẽ không còn nữa. Nếu chưa thể làm được như vậy thì nên dùng phương pháp hiểu rõ lý để trừ bỏ tà niệm. Nếu sửa theo lý cũng không làm được thì nên sửa theo sự để ngăn chặn tà niệm. Dùng cách sửa đổi tâm đồng thời kèm theo những phương pháp còn lại, như vậy không có gì sai lầm. Nếu chỉ chấp vào những phương pháp kém hiệu quả mà không biết đến phương pháp vượt trội hơn thì thật là khờ dại.

Nhưng phát nguyện sửa lỗi thì chỗ sáng cần có bạn tốt nhắc nhở, chỗ tối cần quỷ thần chứng minh, phải hết lòng sám hối, ngày đêm không giải đãi. Trải qua bảy ngày, mười bốn ngày, cho đến một tháng, hai tháng, ba tháng, nhất định sẽ thấy hiệu nghiệm. Hoặc cảm

thấy tâm an vui, rộng mở; hoặc cảm thấy trí tuệ bỗng khai mở; hoặc khi gặp những việc phiền nhiễu rồi ren nhưng trong tâm đều sáng suốt; hoặc khi gặp kẻ oán thù, tâm không sân giận mà lại hoan hỷ; hoặc mộng thấy nôn ra những thứ màu đen; hoặc mộng thấy các bậc cổ thánh tiên hiền đến dìu dắt tiếp dẫn; hoặc mộng thấy bay lượn, dạo chơi trên hư không; hoặc mộng thấy tràng phan bảo cái. Những việc tốt như vậy đều là những điềm báo tội chướng đã được tiêu trừ. Nhưng cũng không được bám chấp vào đó mà sanh tâm kiêu ngạo tự phụ, như vậy sẽ ngăn cản khiến ta không tiến bộ được.

Xưa có ông Cừ Bá Ngọc, năm 20 tuổi đã biết xét lại những lỗi lầm trước đây của mình và sửa đổi tất cả. Đến năm 21 tuổi ông mới biết những lỗi lầm trước đây vẫn chưa sửa hết. Năm 22 tuổi nhìn lại năm 21 tuổi vẫn giống như ở trong

mộng [hồ đồ phạm lỗi]. Năm này qua năm khác, ông vẫn kiên trì sửa đổi, đến năm 50 tuổi ông vẫn thấy những lỗi lầm trong 49 năm trước. Người xưa học sửa lỗi như vậy.

Chúng ta đều là kẻ phạm phu, tội lỗi đầy rẫy như lông nhím, nhưng khi nhìn lại những việc đã qua lại thường chẳng thấy mình có lỗi lầm gì, bởi tâm ý qua loa nên mắt bị che mờ. Song người có tội ác quá sâu nặng cũng có điềm báo, như tinh thần u ám, bế tắc, nói trước quên sau; hoặc không có chuyện gì mà thường sanh phiền não; hoặc gặp bậc hiền nhân quân tử lại thấy hổ thẹn buồn chán; hoặc nghe những lời bàn luận chân chánh nhưng lại không vui thích; hoặc giúp người nhưng lại bị người oán trách; hoặc đêm ngủ gặp ác mộng. Thậm chí nói năng lung tung, thần chí bất thường. Tất cả những điều này đều là biểu hiện của việc làm ác. Nếu có một

trong những biểu hiện như thế thì phải
phát tâm mạnh mẽ, sửa lỗi làm mới,
mong mọi người đừng tự gạt mình.



PHƯƠNG PHÁP TÍCH THIỆN

Kinh Dịch nói: *“Nhà tích điều thiện ắt thừa niềm vui.”* Xưa có nhà họ Nhan muốn gả con gái cho Thúc Lương Hột¹⁶. Do xét thấy tổ tiên nhà Thúc Lương Hột tích chứa phước đức sâu dày nên đoán biết con cháu nhà ấy nhất định sẽ hưng

16 Thúc Lương Hột chính là cha của Khổng tử. Ông tên là Khổng Ngột (Hột), tên tự là Thúc Lương, nên thường gọi là Thúc Lương Hột, là đại phu nước Lỗ. Vợ cả của Thúc Lương Hột là Thí Thị sinh chín con gái, không có con trai. Người thiếp sinh ra Mạnh Bì, chân lại bị tật. Theo quy chế thời ấy, Mạnh Bì không thể kế nghiệp, tập ấm cha. Thúc Lương Hột bèn xin cưới con gái của họ Nhan, chỉ có cô Nhan Trung Tại chịu lấy ông, sinh ra Khổng tử.

vượng. Khổng tử tán thán vua Thuấn là bậc đại hiếu, nói rằng: *“Tông miếu tổ tiên được thờ phụng, con cháu đời đời giữ phước lành.”* Đây đều là sự nhận định vô cùng chính xác, nay tôi lấy những câu chuyện xưa để kiểm chứng.

Quan thiếu sư Dương Vinh, người Kiến Ninh. Tổ tiên sống bằng nghề đưa đò. Có lần trời mưa lâu ngày, nước lũ dâng cao cuốn trôi nhà dân. Người chết đuối theo dòng mà trôi xuống, những thuyền khác đều lo vớt của cải trôi trên sông, chỉ riêng ông cố và ông nội của thiếu sư chỉ lo cứu người, không hề vớt chút tài vật nào. Người trong làng đều cười chê họ là ngu khờ. Đến khi cha của thiếu sư ra đời thì gia đình dần dần khá giả hơn. Có vị thần hóa thành một đạo sĩ đến nói rằng: *“Ông nội và cha ông có âm đức lớn nên con cháu sẽ được giàu có vinh hiển, ông hãy chôn cất họ ở đây.”* Cha ông nghe lời bèn an táng họ

tại đó. Hiện nay chỗ đó gọi là mộ Bạch Thố. Sau đó sinh ra thiếu sư, 20 tuổi đã thi đỗ tiến sĩ, làm quan đến địa vị Tam công. Hoàng đế còn phong tặng ông cố, ông nội và cha ông như chức quan của ông. Con cháu đời sau đều được hưng thịnh, mãi đến ngày nay vẫn còn rất nhiều người hiền đức.

*

Dương Tự Trừng người huyện Ngân. Ban đầu vốn là một viên thư biện trong nha huyện, có tấm lòng nhân hậu, nghiêm giữ pháp luật, làm việc công chính liêm minh. Tri huyện đương thời là người rất nghiêm khắc, bỗng dưng đánh một tù nhân, đến nỗi máu chảy khắp mặt đất mà vẫn chưa nguôi giận. Họ Dương quỳ xuống xin tha, quan huyện nói: “Tên phạm nhân này phạm pháp làm những việc trái nghịch đạo lý, làm sao có thể không giận cho được.” Dương Tự Trừng dập đầu thưa rằng:

“Bề trên lỗi đạo, nhân dân đã mất lòng tin từ lâu, nếu tra ra sự tình thì thương xót họ còn không hết, làm sao mà vui cho được, vui còn không được huống hồ là nổi giận?” Quan huyện nghe xong cảm động mà nguôi giận.

Gia đình ông rất nghèo, nhưng có ai mang quà biếu, ông đều không nhận. Gặp lúc thiếu lương thực, tù nhân phải chịu đói, ông thường nghĩ mọi cách để cứu tế. Có một số tù nhân mới đến bị đói khát, gia đình ông lại thiếu gạo. Nếu mang gạo cho tù nhân thì cả nhà phải chịu đói, nếu giữ gạo lại ăn thì tù nhân chịu đói rất đáng thương. Ông liền bàn với vợ chuyện này. Vợ ông hỏi: “Tù nhân từ đâu đến?” Ông nói: “Từ Hàng Châu đến, dọc đường chịu đói khát, mặt mày xanh xao vàng vọt.” Do đó hai vợ chồng liền giảm bớt phần gạo của gia đình để nấu cháo cho tù nhân ăn.

Sau đó, ông sinh được hai người

con trai. Con trưởng là Dương Thủ Trần, con thứ là Dương Thủ Chỉ, cả hai đều giữ chức Lại bộ Thị lang ở hai miền Nam Bắc. Cháu lớn làm quan đến chức Hình bộ Thị lang, cháu nhỏ làm quan Liêm hiến¹⁷ ở Tứ Xuyên, cũng đều là những vị quan nổi tiếng. Hiện nay các ông Sở Đình, Đức Chính cũng là con cháu của ông.

*

Vào khoảng năm Chánh Thống, Trịnh Mậu Thất tạo phản ở tỉnh Phúc Kiến. Rất nhiều kẻ có học và nhân dân đi theo giặc, triều đình cử quan Đô hiến Trương Khải người huyện Ngân xuất quân xuống phía Nam chinh phạt, dùng mưu kế đã bắt được giặc. Sau đó cử viên Đô sự họ Tạ thuộc Bố chánh ty đi truy lùng bắt giết dư đảng của giặc

¹⁷ Liêm hiến: chức quan này về sau gọi là Án sát, phụ trách về hình sự.

ở phía Đông, Phúc Kiến. Tà Đô sự tìm cách điều tra được danh sách những kẻ dư đảng. Phàm những người không có tên trong danh sách thì được bí mật trao cho một lá cờ nhỏ màu trắng và dặn: “Ngày quân binh truy quét thì cầm lá cờ ấy ở trước cửa.” Đồng thời nghiêm cấm quân binh không được giết người bừa bãi, nhờ vậy mà cứu được cả vạn người dân. Về sau con trai của Tà Đô sự là Tà Thiên thi đỗ trạng nguyên, làm quan đến chức Tể tướng. Cháu nội là Tà Phi cũng đỗ thám hoa.

*

Ở Bồ Điền có nhà họ Lâm, đời trước có một bà lão ưa làm việc thiện, thường làm bánh bột gạo bố thí cho người, ai đến xin cũng cho, không hề chán mỏi. Có một vị tiên hóa thành đạo sĩ, mỗi ngày ông đều đến đây xin sáu, bảy cái bánh. Bà lão ngày nào cũng cho ông, ba năm như một ngày, tiên nhân

biết bà làm thiện bằng tấm lòng chân thành. Do đó, đạo sĩ nói với bà lão rằng: “Tôi ăn bánh của bà suốt ba năm, biết lấy gì để báo đáp đây? Sau nhà bà có một mảnh đất, nếu an táng ở nơi đó, tương lai con cháu của bà được làm quan nhiều như số hạt mè trong một thăng vậy.” Sau khi bà mất, con trai bà mai táng mẹ ở chỗ đạo sĩ chỉ điểm, ngay đời đầu tiên đã có chín người thi đỗ tiến sĩ, đời đời quan tước cực thịnh, ở Phúc Kiến có câu: “Khoa bảng đề danh nhất định có người nhà họ Lâm.”

*

Cha của Thái sử Phùng Trác Am, khi còn làm tú tài học ở trường huyện, vào một buổi sáng mùa đông rét buốt, dậy sớm đến trường học, trên đường đi gặp một người bị ngã nằm trong tuyết, sờ thử thì đã lạnh cóng gần chết rồi. Ông liền cởi áo khoác của mình ra đắp cho người đó rồi đưa về nhà cứu sống. Sau

đó, ông mộng thấy có vị thần nói với ông rằng: “Ông đã dùng tâm chí thành để cứu một mạng người, nay ta sẽ sai Hàn Kỳ¹⁸ đến làm con trai ông.” Sau đó sinh ra Trác Am, bèn đặt tên là Kỳ.

*

Quan Thượng thư họ Ứng người Đài Châu. Thuở còn trẻ học tập ở trên núi, ban đêm có rất nhiều ma quỷ tụ tập kêu gào, thường làm người khác kinh sợ, nhưng riêng ông không sợ sệt chút nào. Một buổi tối ông nghe thấy quỷ nói: “Có một phụ nữ, chồng đi xa đã lâu chưa về, cha mẹ chồng [cho rằng con trai đã chết] nên ép con dâu tái giá. Nhưng con dâu không chịu, vì thế đêm mai sẽ treo cổ tự vẫn ở đây. Vậy là ta có người thế thân rồi.”

Ứng Thượng thư nghe biết, liền âm

18 Hàn Kỳ (1008-1075) vốn là một vị Tể tướng có tài văn võ song toàn vào đời Tống.

thâm bán mảnh ruộng của mình được 4 lạng bạc, rồi viết một bức thư giả làm thư của người chồng gửi về nhà, kèm theo 4 lạng bạc. Cha mẹ chồng xem thư, thấy bút tích không giống con mình nên hoài nghi, nhưng sau đó lại nghĩ: “Thư có thể giả, nhưng bạc làm sao có thể giả được.” Vì vậy, họ nghĩ con mình vẫn bình an, và cũng không ép con dâu tái giá nữa.

Sau đó người con này trở về, vợ chồng lại được đoàn tụ như xưa. Ứng Thượng thư lại nghe quý nói: “Ta sắp có người thế thân nhưng lại bị gã tú tài đó làm hỏng chuyện.” Con quý bên cạnh nói: “Sao mà không hại ông ta.” Quý kia đáp: “Thượng đế thấy người này tâm địa thiện lương nên hạ lệnh ghi âm đức cho ông ta làm Thượng thư, ta làm sao có thể hại ông ta được?”

Ứng Thượng thư nghe như vậy nên ngày càng nỗ lực làm nhiều việc thiện hơn, phước đức ngày càng sâu dày. Gặp

năm mất mùa đói kém, ông liền mang gạo đi cứu tế dân đói. Gặp người thân thích có việc nguy cấp, ông luôn uyển chuyển nghĩ cách giúp họ vượt qua khó khăn. Gặp phải nghịch cảnh, ông luôn quay lại phản tỉnh tự trách mình, rồi đều an nhiên vui vẻ chấp nhận. Con cháu của ông thi đỗ tiến sĩ đến nay vẫn rất nhiều.

*

Có người tên là Từ Thức, hiệu Phụng Trúc. Cha ông vốn là người giàu có, gặp năm mất mùa đói kém, ông là người đầu tiên trong toàn huyện miễn tô thuế cho dân, lại phân phát lương thực cứu tế người nghèo đói. Ban đêm nghe quý hát ở trước cửa nhà: “Ngàn lần không sai, vạn lần không sai, tú tài nhà họ Từ sẽ thi đỗ cử nhân.” Mấy đêm liên tục đều nghe quý hát như vậy. Năm đó Từ Phụng Trúc dự kỳ thi Hương, quả nhiên đỗ cử nhân. Cha ông nhân

đó ngày càng nỗ lực làm thiện cần mẫn không giải đãi, tu sửa cầu đường, cúng dường trai tăng, cứu tế người nghèo đói, tất cả những việc có lợi ích ông đều gắng sức đi làm. Sau đó lại nghe quý hát trước cửa nhà mình rằng: “Ngàn lần không sai, vạn lần không sai, cử nhân nhà họ Từ sẽ làm đến chức Đô đường¹⁹.” Quả nhiên Phụng Trúc làm quan đến chức Tuần phủ Lương Chiết.

*

Ở huyện Gia Hưng có người tên là Đồ Khang Hy, ban đầu giữ chức Chủ sự ở Hình bộ. Ban đêm ông trực ở trong ngục, thận trọng tra hỏi vụ án của từng

19 Đô đường có nghĩa gốc là tổng dinh thự hành chánh của Thượng thư tỉnh theo quy chế đời Đường. Thượng thư tỉnh cai quản lục bộ. Đứng đầu Thượng thư tỉnh là Tả bộc xạ và Hữu bộc xạ, đều gọi là Đô tỉnh. Đến thời Minh - Thanh, do các quan Tổng đốc hoặc Tuần phủ trông coi các tỉnh đều kiêm thêm hàm Đô ngự sử, Phó Đô ngự sử, hoặc Kiểm Đô ngự sử, nên dân gian thường gọi các quan đầu tỉnh là Đô đường.

tù nhân, nhờ vậy ông đã phát hiện ra rất nhiều vụ án oan, nhưng ông không nghĩ đó là công lao của mình, chỉ âm thầm đem những vụ án oan này tấu trình lên quan Hình bộ Thượng thư. Sau đó thẩm vấn lại những phạm nhân này, quan Hình bộ Thượng thư đã dựa vào lời khai mà ông cung cấp thẩm vấn lại những tù nhân này, nên ai cũng khâm phục, nhờ đó đã phóng thích cho mười mấy tù nhân bị hàm oan. Lúc ấy dân chúng ở kinh thành đều ca tụng quan Thượng thư anh minh.

Đồ tiên sinh lại tấu trình lên Hình bộ Thượng thư rằng: “Kinh thành ở dưới chân Thiên tử mà còn có nhiều vụ án oan như thế, vậy toàn quốc có hàng triệu dân, lẽ nào không có người bị hàm oan hay sao? Vì vậy xin kiến nghị cứ 5 năm một lần, nên cử một vị quan Giám hình về các tỉnh thẩm tra lại các vụ án để phán xử cho công bằng.” Hình bộ

Thượng thư đem lời kiến nghị này trình tấu lên triều đình, được Hoàng đế phê chuẩn. Lúc ấy, Đồ tiên sinh cũng được phái là một trong các quan Giám hình.

Một hôm ông nằm mộng thấy một vị thần đến nói rằng: “Số ông không có con, nay ông kiến nghị việc giảm hình rất hợp với lòng trời, Thượng đế ban cho ông ba người con trai, tương lai đều sẽ được áo tía đai vàng²⁰.” Đêm ấy vợ ông có thai, về sau bà sinh ra ba người con trai là Ứng Huân, Ứng Khôn, Ứng Tuấn, đều được quan tước hiển vinh.

*

Huyện Gia Hưng có người tên Bao Bằng, tự là Tín Chi. Cha ông là Thái thú Trì Dương, sinh được bảy người con, Bao Bằng là con út. Ông ở rể nhà họ Viên ở

20 Áo tía đai vàng có nghĩa là được đỗ đạt làm quan hiển hách. Áo tía (tử y) và đai vàng (kim yêu) đều là những thứ do triều đình ban tặng cho người có công trạng.

huyện Bình Hồ, thường qua lại với cha tôi, giao tình rất thân. Ông học rộng tài cao, nhưng đi thi nhiều lần không đỗ nên để tâm học Phật và Đạo giáo. Một hôm ông dạo chơi ở phía đông Mão Hồ, bỗng gặp một ngôi chùa trong thôn, thấy tượng Quán Âm Bồ-tát bị nước mưa dột ướt hết như đứng ngoài trời. Ông lập tức tìm trong túi được 10 lạng bạc, trao cho vị thầy trụ trì để tu sửa mái chùa. Vị tăng nói công trình quá lớn mà khoản tiền này thì quá ít, e là không thể làm được. Bao Bằng lại lấy ra bốn xấp vải đặc biệt sản xuất ở Tùng Giang, lại tìm trong rương hành lý được bảy chiếc áo hai lớp vải dày mới, rồi đưa hết cho vị tăng, người hầu có ý ngăn lại.

Bao Bằng nói: “Chỉ cần thánh tượng không bị ướt thì ta dù có ở trần cũng không sao?” Vị tăng cảm động rơi nước mắt nói: “Cúng dường tiền, vải và quần áo không khó, nhưng tấm lòng

chí thành như thí chủ đây thật không dễ có.” Khi mái chùa tu sửa xong, ông đưa cha cùng đến chùa và ở lại trong chùa. Đêm đó ông mộng thấy thần già-lam²¹ đến cảm tạ nói rằng: “Con ông sẽ được hưởng phước lộc ở đời.” Về sau con ông là Bao Biện, cháu ông là Bao Sanh Phương đều thi đỗ tiến sĩ, quan tước vinh hiển.

*

Huyện Gia Thiện có người tên Chi Lập. Cha ông giữ chức quản lý hồ sơ hình sự. Có tù nhân bị vu oan hãm hại phải chịu tội tử hình. Ông thấy vậy thương xót, muốn tìm cách cứu phạm nhân này. Người tù nói với vợ rằng: “Chi tiên sinh có lòng tốt cứu giúp, ta thật hổ thẹn không biết lấy gì để báo đáp. Ngày mai nàng hãy mời ông ấy

21 Thần già-lam: những vị thần thủ hộ già-lam, hoặc chỉ chung cho chư thiên thiện thần ủng hộ Phật pháp.

về quê, xin làm thiếp để hầu hạ, may ra ông ấy sẽ tận tâm giúp ta giải oan, vậy ta có thể giữ được mạng sống.” Vợ của phạm nhân rơi lệ mà vâng lời. Hôm sau, Chi tiên sinh đến nhà, người vợ tự ra mời rượu và nói rõ ý của chồng, Chi tiên sinh không đồng ý, nhưng ông vẫn tận tâm giải oan cho người tù này. Sau đó phạm nhân ra ngục, vợ chồng cùng đến nhà ông lạy tạ nói: “Người nhân đức như ngài thời nay thật hiếm có. Nay biết ngài chưa có con, tôi có một đứa con gái, xin cho được theo làm thiếp hầu hạ lo liệu việc nhà, điều này cũng rất phù hợp lễ nghĩa.” Chi tiên sinh bèn mang lễ vật đến rước về, sau đó sinh ra Chi Lập, 20 tuổi đã đỗ tiến sĩ, làm quan đến chức thư ký trong Hàn lâm viện. Chi Lập sinh ra Chi Cao, Chi Cao sinh ra Chi Lộc đều được tiến cử làm quan dạy học trong các trường châu huyện, Chi Lộc sinh ra Chi Đại Luân thi đỗ tiến sĩ.

Mười trường hợp kể trên, tuy việc làm của mỗi người đều khác nhau, nhưng giống nhau là đều làm việc thiện. Nếu nói một cách tỉ mỉ thì thiện có chân thật, có giả dối; có ngay thẳng, có tà vạy; có âm thiện, có dương thiện; có đúng đắn, có sai lầm; có lệch lạc, có chánh đáng; có một phần, có viên mãn; có lớn lao, có nhỏ nhặt; có khó khăn, có dễ dàng. Những điều này đều phải phân biệt rõ ràng. Làm thiện mà không rõ lý, cứ nghĩ rằng mình đang làm thiện, đâu biết đó là đang tạo nghiệp ác, lao tâm nhọc trí mà không được chút lợi ích gì.

Thế nào gọi là chân thật và giả dối?

Xưa có mấy vị Nho sinh đi báỉ kiến hòa thượng Trung Phong, hỏi rằng:

- Nhà Phật luận về thiện ác báo ứng như bóng theo hình. Hiện nay có một số người làm việc thiện nhưng con

cháu lại không hưng thịnh, còn một số người làm việc ác nhưng gia đình lại rất hưng vượng. Vậy thì Phật nói về thiện ác không có căn cứ.

Thiền sư Trung Phong nói:

- Người phạm tâm tánh chưa được gột rửa, huệ nhãn chưa khai mở nên cho thiện là ác, cho ác là thiện. Những việc như vậy thường thấy rất nhiều. Họ thấy biết sai rồi nhưng không tự hối hận chính mình đúng sai điên đảo, mà ngược lại còn oán trách trời đất báo ứng không đúng.

Họ nói:

- Thiện ác làm sao có thể lẫn lộn được?

Hòa thượng Trung Phong bảo họ nói thử xem, thế nào là thiện, thế nào là ác. Một người nói:

- Mắng người, đánh người là ác;

cung kính, lễ phép với người là thiện.

Hòa thượng Trung Phong nói:

- Không nhất định là như vậy.

Có người nói:

- Tham tài, dùng thủ đoạn xấu để đạt được là ác, liêm khiết giữ phẩm hạnh là thiện.

Hòa thượng Trung Phong nói:

- Chưa chắc đã như vậy.

Mỗi người đều nói ra cái hiểu của mình về thiện và ác, nhưng hòa thượng đều bảo không hẳn là vậy. Nên có người hỏi ngài:

- Thế nào là thiện? Thế nào là ác?

Hòa thượng Trung Phong nói với họ rằng:

- Có lợi cho người là thiện, có lợi cho mình là ác. Có lợi cho người thì đánh người mắng người đều là thiện, nếu chỉ

lợi ích cho riêng mình thì cung kính, lễ phép với người cũng đều là ác. Do đó người hành thiện, lợi ích cho người chính là việc công, việc công chính là chân thật; lợi ích cho mình chính là việc tư, việc tư chính là giả dối. Làm việc thiện xuất phát từ tâm chân thành là chân thật, còn chỉ bắt chước làm theo là giả dối. Lại nữa, làm thiện mà không cần người khác biết là chân thật, còn có ý đồ, mục đích là giả dối. Những việc như vậy bản thân cần phải tỉ mỉ xem xét để phân biệt.

Thế nào là ngay thẳng và tà vạy?

Người đời nay thấy những kẻ cẩn thận dễ sai bảo đều cho họ là người thiện mà chọn dùng, nhưng thánh nhân lại chọn dùng những người có chí khí, biết vươn lên, quyết không làm điều quấy. Những người cẩn thận dễ sai bảo tuy ở trong một thôn xóm mọi người đều thích, nhưng lại là giặc làm hại đạo

đức. Ở đây nói rõ tiêu chuẩn thiện ác của người đời hoàn toàn trái ngược với thánh nhân. Từ đó mà suy ra, mọi tiêu chuẩn lấy bỏ của người đời đều có sai lầm. Tiêu chuẩn phước thiện, họa ác của quỷ thần cũng giống với thánh nhân mà không tương đồng với quan niệm lấy bỏ của người đời. Nếu muốn làm thiện tích đức thì tuyệt đối không thể thuận theo những điều tai nghe mắt thấy, mà phải từ chỗ cội nguồn vi tế ẩn chứa trong tâm, dần dần gột rửa cho sạch. Nếu thuận là tâm cứu đời thì đó là ngay thẳng, còn như khởi lên một chút tâm nịnh đời thì đó là tà vạy. Nếu thuận là tâm thương người thì đó là ngay thẳng, còn như khởi lên một chút tâm hận đời thì đó là tà vạy. Nếu thuận là tâm tôn kính người thì đó là ngay thẳng, còn như khởi lên một chút tâm bốn cột đời thì đó là tà vạy. Những điều này đều phải phân biệt rõ ràng.

Thế nào là âm thiện và dương thiện?

Làm việc thiện mà để người biết thì đó là dương thiện, còn làm việc thiện mà không ai biết thì đó là âm đức. Âm đức thì trời sẽ ban phước báo, còn dương thiện thì được người tán dương. Được người tán dương cũng là phước báo. Danh tiếng là điều trời đất kiêng kỵ, nếu người nào hưởng danh tiếng nhưng không thật sự xứng đáng thì đa phần đều chuốc lấy tai họa. Còn người không có tội mà bị oan, chịu tiếng xấu thì con cháu tự nhiên sẽ hưng thịnh. Âm thiện và dương thiện thật sự rất vi tế.

Thế nào là đúng đắn và sai lầm?

Nước Lỗ có điều luật rằng, nếu người nước Lỗ bỏ tiền ra chuộc người dân đang làm nô tỳ ở các nước chư hầu đều có thể đến quan phủ nhận lại tiền²².

22 Thời Chiến Quốc, các nước chư hầu đánh nhau

Tử Cống chuộc người về nhưng không nhận thưởng, Khổng tử nghe vậy trách ông rằng: “Trò Tứ²³ làm vậy là sai rồi, bậc thánh nhân làm việc gì cũng đều có thể thay đổi phong tục tập quán, giáo hóa chúng sanh, không phải chỉ làm theo ý thích của riêng mình. Nay nước Lỗ người giàu có ít, người nghèo khổ nhiều, nhận tiền thưởng mà bị xem là tham tài không liêm khiết, vậy còn ai dám tiếp tục chuộc người nữa? Từ nay về sau sẽ không có ai chuộc dân nước Lỗ ở các nước chư hầu về nữa.”

Tử Lộ cứu một người suýt chết đuối, người ấy mang một con trâu đến để tạ ơn, Tử Lộ tiếp nhận. Khổng tử biết

liên miên, dân chúng bị bắt làm tù binh trong các cuộc chiến sẽ biến thành nô tỳ, nam thì gọi là thần, nữ gọi là thiếp. Quy định của nước Lỗ nhằm khuyến khích người dân nước Lỗ mang tiền đi chuộc nô lệ người nước Lỗ ở các nước khác về.

23 Tử Cống tên thật là Đoan Mộc Tứ, tên tự là Tử Cống.

chuyện vui mừng nói: “Từ nay nước Lỗ sẽ có nhiều người cứu kẻ chết đuối.” Theo cách nhìn của người thế tục thì Tử Cống chuộc người không nhận tiền thưởng là tốt, Tử Lộ cứu người nhận trâu là xấu, Khổng tử lại khen Do²⁴ mà chê Tử. Từ đó biết rằng, việc làm thiện không xét theo sự việc đang xảy ra, mà phải xét đến thói tề ảnh hưởng về sau; không xét theo thời gian ngắn, mà phải xét đến ảnh hưởng lâu dài; không xét cho bản thân, mà phải xét đến khắp thiên hạ. Việc làm hiện thời tuy là thiện nhưng ảnh hưởng về sau lại là hại người, vậy thì việc đó giống như thiện nhưng kỳ thật lại là sai lầm. Việc làm hiện thời tuy là bất thiện nhưng ảnh hưởng về sau lại là giúp người, vậy thì việc đó giống như bất thiện nhưng kỳ thật lại là đúng đắn vậy! Ở đây chỉ nêu ra một ví dụ để bàn luận mà thôi.

24 Tử Lộ tên thật là Trọng Do, tên tự là Tử Lộ.

Còn những việc khác, giống như nghĩa nhưng không phải nghĩa, như lễ nhưng không phải lễ, như tín nhưng không phải tín, như từ ái nhưng không phải từ ái. Những việc như vậy đều phải biết phân biệt chọn lựa.

Thế nào gọi là lệch lạc và chánh đáng?

Xưa có ông Lữ Văn Ý²⁵. Khi mới từ chức Tể tướng trở về quê nhà, dân chúng khắp nơi đều kính ngưỡng như Thái Sơn, Bắc Đẩu. Có một người cùng quê uống rượu say chửi mắng ông, nhưng ông không giận, nói với người hầu rằng: “Người này say rồi, đừng so đo với hắn”, rồi đóng cửa lại không quan tâm đến. Năm sau, người này phạm tội tử hình bị bắt giam vào ngục. Lữ Văn Ý

25 Lữ Văn Ý (1418-1462), tự Phùng Nguyên, hiệu Giới Am, người Tú Thủy, đỗ tiến sĩ vào niên hiệu Chính Thống thứ 7 (1442) triều Minh, sau khi mất được vua ban tên thụy là Văn Ý.

biết chuyện lấy làm hối hận, nói: “Phải chi khi xưa ta lưu tâm đến chuyện đó, bắt hấn đến quan phủ trị tội, có thể do bị trừng phạt nhỏ mà ngăn được tội ác lớn. Khi ấy ta chỉ muốn giữ lòng nhân hậu, nhưng không ngờ lại nuôi dưỡng cái ác của kẻ ấy, dẫn đến tội tử hình như ngày hôm nay. Đây là có lòng tốt nhưng lại làm ra việc ác vậy!”

Có người dùng tâm ác nhưng lại làm việc thiện. Như có một gia đình giàu có nọ, gặp năm mất mùa, người dân nghèo đói, cướp gạo thóc nơi chợ búa ngay giữa ban ngày. Báo lên quan huyện nhưng quan huyện không giải quyết, vì thế dân nghèo càng làm càng làm quấy. Vậy là người nhà giàu này bèn tự bắt những người cướp bóc đó lại trừng phạt, nhờ vậy mà bình định được đám dân nghèo đó, nếu không làm vậy ắt cả vùng sẽ bị loạn. Do vậy, việc thiện là chánh, việc ác là lệch, điều này ai cũng

biết. Còn dùng tâm thiện mà làm thành việc ác, đó gọi là trong chánh có lệch; dùng tâm ác mà làm thành việc thiện, đó gọi là trong lệch có chánh. Những điều này không thể không biết.

Thế nào gọi là một phần và viên mãn?

Kinh Dịch nói: *“Thiện không tích, không đủ thành danh. Ác không tích, không đủ diệt thân.”* Kinh Thư nói: *“Tội ác nhà Thương chồng chất như trữ đồ trong kho.”* Nếu siêng năng tích chứa ắt kho sẽ đầy, nếu biếng trễ không tích chứa thì kho không thể đầy. Đây là một cách nói về một phần và viên mãn.

Xưa có một cô gái đến chùa, muốn cúng dường nhưng lại không có nhiều tiền, cô chỉ có hai xu tiền liền đem ra cúng hết. Vị tăng trụ trì thấy vậy bèn đích thân ra làm lễ sám hối cho cô. Về sau, cô được tuyển vào cung vua, được

thọ hưởng phú quý. Sau đó, cô lại mang mấy ngàn lượng bạc đến chùa cúng dường. Hòa thượng trụ trì chỉ bảo đồ đệ ra làm lễ hồi hướng cho cô mà thôi.

Cô không hiểu, hỏi rằng:

- Trước đây con chỉ cúng dường hai xu tiền nhưng lại được thầy đích thân làm lễ sám hối. Nay con cúng dường cả ngàn lượng bạc nhưng thầy lại không ra làm lễ hồi hướng là vì sao vậy?

Hòa thượng nói:

- Trước đây, tiền tuy ít nhưng tâm cúng dường của cô chân thành. Nếu lão tăng không đích thân ra sám hối thì không đủ báo đáp công đức ấy của cô. Nay tài vật tuy nhiều nhưng tâm cúng dường không được chí thiết như trước nữa, nên bảo đồ đệ thay tôi ra làm lễ sám hối là được rồi.

Cho nên, ngàn lượng bạc này là một phần, còn hai xu tiền kia là viên mãn.

Chung Ly²⁶ truyền pháp luyện đơn cho Lữ Động Tân, phép biến sắt thành vàng để có thể cứu giúp người. Lữ Động Tân hỏi:

- Sau này vàng có biến trở lại thành sắt không?

Ông nói:

- 500 năm sau vàng đó sẽ trở lại thành sắt.

Lữ Động Tân nói:

- Như vậy sẽ hại người 500 năm sau, tôi không muốn học nữa.

Chung Ly nói:

26 Vị này là một trong bát tiên của Đạo giáo, họ Chung Ly tên Quyền. Do ông ta sống vào đời Hán, nên thường gọi là Hán Chung Ly, thật ra họ của ông không phải là Hán. Ông được tôn là Chánh Dương Tổ Sư của phái Toàn Chân, vì theo truyền thuyết, ông đã điểm đạo cho Lữ Động Tân (Thuần Dương Tổ Sư). Lữ Động Tân truyền đạo cho Vương Triết (Vương Trùng Dương), Vương Trùng Dương sáng lập Toàn Chân giáo.

- Tu tiên phải tích lũy đủ 3.000 điều thiện, nhưng một câu nói này của ông thì 3.000 điều thiện đã viên mãn rồi.

Đây là một cách giải thích khác.

Lại nữa, làm thiện mà tâm không bám chấp vào việc thiện thì làm bất cứ việc thiện gì cũng có thể thành tựu, đều được viên mãn. Còn như tâm bám chấp vào việc thiện thì dù cả đời siêng năng cũng chỉ được thiện một phần mà thôi. Thí như dùng tài vật giúp đỡ người khác, bên trong không thấy mình là người giúp đỡ, bên ngoài không thấy người được giúp đỡ, khoảng giữa không thấy tài vật được mang ra giúp đỡ. Đây gọi là “tam luân thể không”, cũng gọi là “nhất tâm thanh tịnh”, được vậy thì dù một đấu gạo cũng có thể trồng được phước báo không bờ bến, một xu tiền cũng có thể tiêu trừ tội nghiệp trong ngàn kiếp. Nhưng nếu tâm này vẫn còn nhớ nghĩ, dù cho cúng dường vạn lượng vàng ròng

thì phước báo vẫn không viên mãn. Đây là một cách giải thích khác vậy.

Thế nào là lớn lao và nhỏ nhặt?

Xưa Vệ Trọng Đạt làm quan ở Hàn lâm viện, bị quý dân hồn đến âm phủ. Vua Diêm-la sai phán quan đem sổ thiện ác của Vệ Trọng Đạt ra. Khi hồ sơ được đem đến thì sổ ghi tội ác chất đầy khắp căn phòng, còn sổ ghi điều thiện chỉ có một quyển mỏng dính, cuộn lại nhỏ như một chiếc đũa mà thôi. Khi cân lên thì tội ác chất đầy căn phòng lại nhẹ, còn sổ ghi việc thiện nhỏ như chiếc đũa lại nặng. Trọng Đạt nói:

- Tôi chưa đến 40 tuổi, sao có thể phạm nhiều tội ác đến như vậy?

Vua Diêm-la nói:

- Khởi một niệm tà vạy đã là xấu ác, không cần đợi đến lúc ông phạm.

Nhân đó, Trọng Đạt lại hỏi:

- Trong cuộn giấy kia ghi chép những gì?

Vua Diêm-la nói:

- Có lần triều đình dự tính xây dựng một công trình rất lớn, tu sửa cầu đá ở Tam Sơn. Ông từng dâng sớ lên vua can gián việc ấy, trong đó có ghi lại bản sớ của ông.

Vệ Trọng Đạt nói:

- Tôi có kiến nghị việc ấy nhưng triều đình không chấp thuận, vẫn cứ tiến hành tu sửa, vậy bản sớ của tôi vẫn có sức mạnh như vậy sao?

Diêm-la nói:

- Triều đình tuy không chấp nhận, nhưng một niệm đó của ông là vì muôn dân, nếu triều đình có thể nghe theo thì sức mạnh của việc thiện ấy càng lớn hơn.

Cho nên, nếu tâm thiện hướng về quốc gia, thiên hạ thì thiện tuy nhỏ cũng

thành lớn lao. Nếu chỉ vì bản thân thì tuy làm nhiều nhưng cũng chỉ là nhỏ nhặt.

Thế nào là khó khăn và dễ dàng?

Các vị Nho gia ngày trước dạy rằng: “Muốn khắc phục bản thân thì nhất định phải bắt đầu từ chỗ khó khắc phục nhất.” Khổng tử bàn về đức nhân cũng nói: “Bắt tay từ chỗ khó trước.” Nhất định phải như Thư tiên sinh ở Giang Tây, đã đem 2 năm lương bổng ít ỏi của mình để nộp tiền phạt lên quan phủ thay cho một người, giúp vợ chồng người đó khỏi cảnh chia lìa. Lại như Trương tiên sinh ở Hàm Đan đem hết số tiền vất vả tích góp được trong 10 năm để giúp người khác nộp tiền chuộc thân, cứu sống được vợ của người ấy. Đây đều gọi là việc khó xả mà có thể xả.

Lại như Cậ tiên sinh ở Trấn Giang, tuy tuổi già mà vẫn chưa có con, nhưng ông không nhân tâm lấy một cô

gái trẻ làm thiếp, nên đã trả lại cho gia đình hàng xóm. Đây là khó nhẫn mà có thể nhẫn, nên được trời ban phước sâu dày. Phàm là người có tiền tài, có quyền thế muốn tạo công đức rất dễ. Dễ mà không làm, đó là tự hủy hoại chính mình. Người nghèo khổ tu phước rất khó, nhưng khó mà có thể làm, ấy mới là đáng quý.

*

Việc tùy duyên cứu người có rất nhiều, nhưng quy nạp lại để nói thì có thể phân ra mười loại:

1. Cùng người làm việc thiện.
2. Giữ lòng yêu kính.
3. Thành toàn việc thiện của người.
4. Khuyên người làm việc thiện.
5. Cứu người lúc nguy cấp.
6. Khởi xướng xây dựng những công trình mang lại lợi ích lớn cho cộng đồng.

7. Bỏ tiền của ra làm phước.
8. Hộ trì chánh pháp.
9. Kính trọng bậc trưởng bối.
10. Yêu thương, quý tiếc sanh mạng.

Thế nào gọi là cùng người làm việc thiện?

Trước đây, vua Thuấn ở Lôi Trạch, thấy những người đánh cá đều tranh chỗ nước sâu nhiều cá, còn người già yếu đành phải bắt cá ở những chỗ nước nông chảy xiết. Vua Thuấn động lòng thương xót, bèn tới nơi ấy cùng mọi người đánh cá. Gặp người tranh giành, ngài che giấu việc ấy, không nói gì đến. Còn gặp những người biết nhường nhịn thì ngài hết lòng khen ngợi và cũng học theo họ. Một năm sau, mọi người đều biết nhường nhau những chỗ nước sâu nhiều cá. Người thông minh sáng suốt như vua Thuấn nào có khó gì việc nói ra

một lời dạy dỗ mọi người! Thế mà ngài không dùng lời dạy dỗ, lại dùng chính việc làm của bản thân để chuyển hóa mọi người, quả thật là khéo dụng tâm mà lại siêng năng cần mẫn vậy!

Chúng ta sống trong thời mạt pháp, đừng lấy sở trường của mình mà lấn áp người khác, đừng lấy chỗ tốt đẹp của mình mà so sánh với người khác, đừng cậy mình tài giỏi mà gây khó dễ cho người khác. Phải biết ẩn giấu tài trí của mình, xem nó như không có, xem như không thật. Thấy người khác có lỗi lầm, hãy bao dung mà che đậy giúp họ, một mặt là để họ có thể sửa đổi, một mặt lại khiến họ có sự kiêng dè mà không dám phóng túng. Thấy người khác có chút ưu điểm nhỏ có thể dùng, hoặc việc thiện nhỏ có thể chọn lấy thì phải nhanh chóng bỏ đi quan điểm của mình mà thuận theo họ. Lại nên hết lời khen ngợi và truyền rộng khắp sự tốt đẹp ấy.

Trong cuộc sống thường ngày, mỗi một lời nói, mỗi một việc làm đều không hề nghĩ cho bản thân, mà hoàn toàn là làm ra tấm gương tốt cho tất cả chúng sanh. Đó chính là chỗ độ lượng của bậc đại nhân, luôn vì thiên hạ chung vậy!

Thế nào là giữ lòng yêu kính?

Quân tử và tiểu nhân nếu nhìn bề ngoài thì rất dễ nhầm lẫn. Chỉ duy nhất khi xét đến chỗ giữ tâm thì thiện và ác thật sự khác nhau, phân biệt rõ ràng như trắng với đen, hoàn toàn tương phản. Cho nên nói: “Quân tử sở dĩ khác với người bình thường là ở chỗ giữ tâm của họ.” Những gì tâm người quân tử giữ chỉ là tâm thương yêu và kính trọng người khác.

Nói chung, trong muôn người ắt có người thân thích, kẻ sơ giao; người quý hiển, kẻ hèn kém; người trí tuệ, kẻ ngu si; người hiền lương, kẻ xấu xa,

muôn hình vạn trạng không ai giống ai, nhưng đều là đồng bào của ta, cùng là một thể với ta, nên ta phải yêu thương, kính trọng tất cả mọi người.

Yêu kính mọi người chính là yêu kính thánh hiền, có thể thông hiểu được chí hướng của mọi người chính là thông hiểu được chí hướng của thánh hiền. Vì sao vậy? Vì chí hướng của thánh hiền là mong muốn mọi người trên thế gian này đều đạt được những gì mình mong muốn. Lòng ta hợp với lòng yêu kính của thánh hiền, giúp cho muôn người đều được an ổn. Đây chính là vì thánh hiền mà mang lại sự an ổn cho mọi người.

Thế nào là thành toàn việc thiện của người?

Ngọc ở trong đá, nếu vứt bừa bãi thì chẳng khác gì gạch vụn, nhưng nếu được mài giũa ắt sẽ thành ngọc khuê,

ngọc chương²⁷ quý giá. Cho nên, hễ thấy người nào làm được một việc thiện, hoặc người có chí hướng tốt đẹp, tư chất hướng thiện thì đều nên dìu dắt, giúp đỡ họ thành tựu. Hoặc là khen ngợi, khích lệ họ, hoặc là che chở, trợ giúp họ. Nếu họ bị vu khống thì nên vì họ làm rõ, hoặc cùng chia sẻ nhận lấy những sự hủy báng, cần giúp sức cho đến khi họ thành tựu mới thôi.

Nói chung người đời thường không ưa những ai khác biệt với mình. Người tốt trong thôn xóm thì ít, mà kẻ xấu lại nhiều. Cho nên, người tốt ở đời thường rất khó tự mình đứng vững. Hơn nữa, bậc hào kiệt tính thường thẳng thắn, không quá chú trọng dáng vẻ bên ngoài nên dễ bị người đời chỉ trích. Thế nên, việc tốt thường dễ thất bại, còn người

27 Khuê là một loại ngọc quý, được làm thành dạng phẳng. Dùng ngọc khuê xẻ đôi ra thành ngọc chương.

tốt thường bị hủy báng. Lúc ấy, chỉ có những bậc nhân đức hơn người mới đứng ra đính chính lại và giúp họ, công đức ấy hết sức lớn lao.

Thế nào là khuyên người làm thiện?

Đã sinh ra làm người, ai cũng có lương tâm? Nhưng đường đời bôn ba xuôi ngược nên rất dễ đắm chìm sa đọa. Do đó, hễ giao tiếp với người khác, ta nên khéo léo phương tiện nhắc nhở, giúp họ trừ bỏ những sai lầm mê muội. Ví như, vì người đang say trong giấc mộng đêm dài mà giúp họ tỉnh mộng. Ví như, vì người bị vây hãm trong phiền não đã lâu mà cứu lấy tâm an ổn cho họ. Ân huệ đó lớn lao không gì bằng.

Hàn Dũ nói: *“Khuyên người trong nhất thời thì dùng lời nói, khuyên người đến trăm đời thì viết thành sách.”* Nếu so với việc cùng người làm thiện ở trên, [khuyên người làm thiện] tuy là có hình

thức, nhưng phải tùy bệnh cho thuốc thì mới có hiệu quả rõ rệt, vì thế không thể nản lòng mà bỏ dở. Còn như, không nên nói mà lại nói, không nên dạy mà lại dạy, thì phải tự xét lại trí tuệ của chính mình.

Thế nào là cứu người lúc nguy cấp?

Người đời ai cũng có lúc nguy cấp hoạn nạn. Nếu gặp những trường hợp ấy, ta nên xem như trên thân của mình mọc mụn độc, phải nhanh chóng giải cứu. Hoặc dùng lời nói làm sáng tỏ nỗi oan ức của họ, hoặc tìm mọi cách để giúp họ thoát khỏi nỗi khốn khổ. Thôi tử nói: *“Ân huệ không phải ở chỗ nhiều ít, mà giúp người lúc nguy cấp mới đáng quý.”* Quả thật là lời nhân hậu biết bao!

Thế nào là xây dựng những công trình lợi ích lớn cho cộng đồng?

Nhỏ thì trong một thôn làng, lớn

thì trong một thành thị, phàm là việc có lợi ích cho đại chúng thì đều nên khởi công xây dựng. Hoặc là đào mương dẫn nước, hoặc đắp đê ngăn lũ, hoặc tu sửa cầu đường để mọi người qua lại thuận tiện, hoặc cung cấp cơm ăn nước uống để cứu giúp người lúc đói khát. [Đối với những việc ấy] nên tùy duyên khuyến dụ mọi người cùng nhau góp sức xây dựng. Khi đã làm thì đừng sợ bị kẻ khác hiềm nghi, đừng nề hà gian khó.

Thế nào gọi là bỏ tiền của ra làm phước?

Trong hàng vạn thiện hạnh của nhà Phật thì bố thí đứng đầu. Nói đến hạnh bố thí, kỳ thực chỉ là một chữ “xả” mà thôi. Bậc đạt đạo thì trong tâm buông xả sáu căn, bên ngoài buông xả sáu trần; cho đến hết thấy những vật sở hữu, không có gì là không buông xả. Nếu không làm được như vậy thì trước tiên

làm từ bố thí tài vật. Người đời nhờ vào cơm ăn áo mặc mà duy trì mạng sống, cho nên tiền tài là quan trọng nhất. Nếu chúng ta từ chỗ này mà buông xả thì bên trong trừ được tâm keo kiệt của mình, bên ngoài lại giúp được sự nguy cấp của người. Mới đầu làm thường sẽ miễn cưỡng, nhưng lâu dần sẽ thành tự nhiên. Bố thí là phương pháp hay nhất để dứt sạch ý niệm vì mình, trừ đi sự bám chấp tham tiếc.

Thế nào là hộ trì chánh pháp?

Chánh pháp là con mắt sáng của chúng sanh muôn đời. Không có chánh pháp thì làm sao con người có thể tham gia giúp đỡ trời đất? Làm sao có thể trợ giúp thành tựu vạn vật? Làm sao có thể thoát khỏi sự trói buộc? Làm sao có thể xây dựng pháp thế gian và xuất thế gian? Cho nên, hãy gặp chùa miếu thờ kính các thánh hiền, kinh sách, điển tịch

thì đều phải kính trọng, nếu có hư hoại thì phải tu sửa lại. Đến như việc hoằng dương chánh pháp, báo đáp ân sâu của Phật thì càng phải hết lòng dốc sức.

Thế nào gọi là kính trọng bậc trưởng bối?

Phạm vi gia đình thì có cha mẹ, quốc gia thì có người lãnh đạo, cho đến hết thấy những người lớn tuổi, người đức độ, người có địa vị cao hoặc người có hiểu biết sâu rộng, chúng ta đều phải đặc biệt lưu tâm, cung kính phụng sự. Khi ở nhà phụng sự cha mẹ, phải luôn giữ lòng yêu kính, dáng vẻ phải vui tươi, nói năng phải ôn hòa, từ tốn. Tập lâu ngày sẽ thành tính cách tốt, hòa khí ấy là căn bản để cảm động lòng trời.

Khi ra ngoài xã hội, phụng sự cấp trên, cho dù làm công việc gì cũng đừng cho rằng cấp trên không biết mà tự ý làm bậy. Khi xét xử người khác, đừng

cho rằng cấp trên không biết mà ra oai ức hiếp. Phụng sự cấp trên như thờ kính trời đất, đây là châm ngôn của người xưa, chỗ này có liên quan rất lớn tới âm đức. Thử nhìn những gia đình có lòng trung hiếu, ắt không nhà nào là không có con cháu hưng thịnh lâu dài, cho nên nhất định phải thận trọng.

Thế nào gọi là yêu thương, quý tiếc sanh mạng?

Sở dĩ, con người được gọi là người, chẳng qua là do có lòng trắc ẩn mà thôi. Người muốn có lòng nhân thì phải có lòng trắc ẩn, người muốn tích đức thì phải tích lòng trắc ẩn. Chu Lễ nói: *“Tháng đầu xuân, vật tế không được dùng con vật cái.”* Mạnh tử nói: *“Người quân tử tránh xa nhà bếp.”* Những việc này đều nhằm giữ gìn lòng trắc ẩn của mình. Cho nên, người xưa có bốn loại thịt tránh không ăn, đó là: nghe tiếng kêu bị giết không

ăn, thấy bị giết không ăn, vật mình nuôi không ăn, cố ý vì mình mà giết không ăn. Người học đạo nếu chưa thể dứt bỏ việc ăn thịt thì cũng nên tránh ăn những loại thịt trên.

Dần dần nâng cao lên thì tâm từ bi ngày càng tăng trưởng, lúc ấy không những giữ được giới không giết hại, [mà sẽ nhận thức được] các loài sâu bọ, côn trùng đều có sanh mạng. Muốn lấy tơ phải lược kén, cuốc đất sẽ làm chết côn trùng; phải nhớ rằng, quần áo, thức ăn là từ đây mà có, đều là giết hại các loài khác để mình được sống. Cho nên, tội hủy hoại, lãng phí lương thực, đồ vật... cũng tương đương với tội sát sanh. Cho đến những việc lỡ tay làm hại, giẫm chân làm chết côn trùng, thật không biết số bao nhiêu mà kể, cho nên phải hết sức cảnh giác. Cổ thi có câu:

*“Lưu hạt com thừa thương chuột đói,
Giữ mạng thiên thân chẳng đốt đèn.”*

Thật nhân từ biết bao!

Hành thiện có nhiều cách vô cùng, không thể kể hết ra được. Từ mười điều vừa nói trên đây mà suy rộng ra thì muôn vàn thiện hạnh đều có thể đầy đủ cả.



HIỆU QUẢ ĐỨC KHIÊM

Kinh Dịch dạy: “Đạo của trời là hao tổn kẻ tự mãn mà lợi ích người khiêm hạ, đạo của đất là trở ngại kẻ tự mãn mà trợ giúp người khiêm hạ. Quỷ thần thường gây họa kẻ ngạo mạn mà ban phước người khiêm tốn, con người thường chán ghét kẻ ngạo mạn mà ưa thích người khiêm tốn.” Do vậy chỉ có đức Khiêm là sáu hào đều cát tường. Kinh Thư nói: “Ngạo mạn sẽ bị tổn hại, còn khiêm tốn sẽ được lợi ích.” Nhiều lần tôi cùng bạn học đi thi, mỗi lần gặp những thư sinh nghèo sắp đỗ đạt đều

thấy họ nhất định có dáng vẻ khiêm hạ lộ rõ.

Vào năm Tân Mùi²⁸, trong số cử nhân về kinh đô dự thi, thì nhóm đồng hương Gia Thiện chúng tôi có 10 người. Đinh Kính Vũ là người nhỏ tuổi nhất, tính tình hết sức khiêm hạ. Tôi nói với Phí Cẩm Pha rằng:

- Anh này năm nay nhất định sẽ thi đỗ.

Họ Phí hỏi lại:

- Làm sao biết được?

Tôi nói:

- Chỉ có người khiêm tốn mới được phước. Anh xem trong số 10 người chúng ta, có ai thành thật trung thực, không dám vượt trước người như Kính Vũ không? Có ai cung kính thuận theo, thận

28 Tức là năm 1571. Khoa thi này Viên Liễu Phàm không đỗ.

trọng khiêm hạ như Kính Vũ không? Có ai bị sỉ nhục mà không đáp trả, bị hủy báng mà không biện bạch như Kính Vũ không? Người như vậy ắt được trời đất quý thần thường trợ giúp, làm gì có đạo lý không phát đạt cho được?

Đến khi yết bảng, quả nhiên Kính Vũ trúng tuyển.

Năm Đinh Sửu²⁹ tôi ở kinh thành. Ở cùng một nơi với Phùng Khai Chi. Thấy ông này hết sức khiêm hạ, nét mặt nghiêm trang, những tập khí hồi nhỏ hoàn toàn không còn. Lý Tế Nham là người bạn tốt, tính tình thẳng thắn, thường phê bình lỗi lầm ngay trước mặt ông Phùng, nhưng chỉ thấy ông bình thản tiếp nhận, chưa từng có một lời biện bạch. Tôi nói với ông Phùng rằng: “Phước có điềm báo của phước, họa có điềm báo của họa. Tâm ông khiêm hạ

29 Tức là năm 1577.

như vậy, trời nhất định sẽ giúp đỡ ông, năm nay ông nhất định sẽ thi đỗ.” Không lâu sau quả nhiên ông trúng tuyển.

Ông Triệu Dụ Phong, tên Quang Viễn, người huyện Quán, tỉnh Sơn Đông, chưa đầy 20 tuổi mà đã thi đỗ cử nhân trong kỳ thi Hương, nhưng sau thi Hội nhiều lần chẳng đỗ. Cha ông được bổ chức Tam doãn³⁰ ở huyện Gia Thiện, ông theo cha đi nhậm chức. Vì ngưỡng mộ [học vấn] của Tiền Minh Ngô, cho nên ông đem bài văn của mình đến thỉnh giáo Tiền tiên sinh. Minh Ngô xem xong, thấy đều gạch bỏ bài văn của ông. Họ Triệu chẳng những không giận mà còn hết lòng khâm phục, nhanh chóng sửa đổi. Năm sau ông đã thi đỗ tiến sĩ.

30 Tam doãn (三尹) là chức quan phụ tá cho Tri huyện, chuyên quản trị văn thư. Xưa kia, trong một huyện, quan Tri huyện thường được gọi là Đại doãn, phó quan gọi là Huyện thừa, tục gọi là Nhị doãn. Cấp thứ ba là Chủ bạ (quản trị sổ sách), thường gọi là Tam doãn.

Năm Nhâm Thìn³¹, tôi vào kinh thành triều kiến, gặp Hạ Kiến Sở. Thấy người này khoan thư nhún nhường, nét mặt lộ rõ vẻ khiêm hạ. Trở về nhà tôi nói với bạn bè rằng: “Hễ trời sắp giúp người nào hưng khởi, khi chưa được phước báo thì trước tiên sẽ khai mở trí tuệ cho họ. Khi trí tuệ được khai mở thì người hư dối tự nhiên sẽ trở nên chân thành, người phóng túng tự nhiên sẽ biết kiềm chế. Hạ Kiến Sở ôn hòa, hiền lành như vậy, ấy là được trời khai mở.” Đến khi yết bảng, quả nhiên ông thi đỗ tiến sĩ.

Trương Úy Nham người Giang Âm, học thức uyên bác, có danh tiếng trong giới văn chương. Năm Giáp Ngọ³², ông về Nam Kinh thi Hương, ở trọ trong một ngôi chùa. Đến khi yết bảng không thấy tên mình trúng tuyển,

31 Tức là năm 1592.

32 Tức là năm 1594.

ông lớn tiếng mắng quan chủ khảo là có mắt không trông. Lúc đó, có một vị đạo trưởng ở bên cạnh bật cười, họ Trương liền quay sang nổi giận với đạo trưởng. Đạo trưởng nói:

- Văn của ông chắc chắn không hay rồi.

Họ Trương càng giận dữ hơn, nói:

- Ông chưa từng đọc văn của tôi, làm sao biết không hay.

Đạo trưởng nói:

- Tôi nghe nói khi viết văn, quý ở chỗ tâm bình khí hòa. Nay nghe ông chửi mắng, tâm hết sức bất bình như thế, vậy thì văn làm sao hay được?

Họ Trương nghe xong đột nhiên khâm phục, bèn thỉnh giáo đạo trưởng. Đạo trưởng nói:

- Thi đỗ hay không đều do số mệnh. Nếu số mệnh không thi đỗ thì dù

văn hay cũng chẳng ích gì, phải tự thay đổi chính mình mới được.

Họ Trương nói:

- Nếu đã là số mệnh định sẵn thì làm sao thay đổi?

Đạo trưởng nói:

- Tạo mệnh do trời, nhưng lập mệnh do ta. Chỉ cần nỗ lực làm việc thiện, rộng tích âm đức thì có phước gì mà không thể cầu được.

Trương nói:

- Tôi là thư sinh nghèo, sao có thể làm việc thiện?

Đạo trưởng nói:

- Làm việc thiện, tích âm đức đều do tâm tạo, thường giữ tâm thiện thì công đức vô lượng. Chẳng hạn như việc giữ tâm khiêm tốn nào có tốn kém tiền bạc gì, sao ông không biết tự xét lại mình mà còn mắng quan chủ khảo?

Họ Trương từ đó nhún nhường, thường giữ đức khiêm hạ. Tâm thiện ngày càng tăng trưởng, đức hạnh ngày một sâu dày. Năm Đinh Dậu³³, ông mơ thấy đi đến một căn nhà cao lớn, nhìn thấy một cuốn sổ ghi tên người thi đỗ, trong đó có nhiều hàng bỏ trống, bèn hỏi người bên cạnh. Người đó nói:

- Đây là danh sách người trúng tuyển khoa thi này.

Ông hỏi:

- Vậy tại sao khuyết nhiều tên như thế?

Người ấy đáp:

- Việc đỗ đạt, ở cõi âm cứ 3 năm lại có một lần tra xét. Phải là người tích âm đức, không phạm lỗi lầm thì mới có tên. Những tên bị khuyết ở phía trước, vốn là những người lẽ ra được thi đỗ, nhưng

33 Tức là năm 1597.

do gần đây phẩm hạnh không tốt nên bị gạch tên.

Sau đó, người đó chỉ vào một hàng và nói:

- Trong ba năm qua, ông luôn biết giữ mình thận trọng, có thể được ghi tên vào trong đây, mong ông tự biết lo liệu.

Khoa thi năm ấy quả nhiên Trương Úy Nham thi đỗ, hạng thứ 105.

Từ đây có thể biết, ngẩng đầu ba thước nhất định có thần minh. Việc lành dữ, tốt xấu chắc chắn là do chính mình, cần phải thường giữ tâm hiền thiện, kiểm soát hành vi, không được có chút đắc tội với trời đất quỷ thần, hơn nữa phải khiêm tốn nhún nhường, khiến cho trời đất quỷ thần lúc nào cũng yêu mến ta, như vậy mới có nền tảng được phúc. Những người tính khí cao ngạo, nhất định không có lòng độ lượng lớn, dù có phát đạt thì cũng không thể thọ

hưởng lâu dài. Cho nên, người có chút hiểu biết chắc chắn sẽ không ai chịu để tâm lượng của mình hẹp hòi, rồi tự đánh mất đi phước báo như thế. Huống hồ khiêm cung ắt sẽ được nhiều người chỉ dạy, học hỏi được vô số điều tốt. Đặc biệt là người theo đường học vấn, nhất định không thể thiếu sự khiêm hạ.

Lời xưa có câu: *“Có chí ở công danh ắt được công danh, có chí ở phú quý ắt được phú quý.”* Người có chí như cây có gốc. Kiên định chí nguyện rồi thì phải luôn nhớ khiêm hạ, vận dụng vô số phương tiện để làm việc thiện, tự nhiên sẽ cảm động trời đất. Thế nên tạo phước là do chính mình. Người đời nay muốn cầu đỗ đạt khoa cử, nhưng lúc đầu lại chưa từng có chí hướng chân thật, chẳng qua chỉ là cao hứng nhất thời mà thôi. Cao hứng thì cầu, hết hứng thì thôi. Mạnh tử nói: *“Nhà vua rất yêu thích âm nhạc,*

nước Tề sắp hưng thịnh rồi?”³⁴ Tôi đối với công danh khoa bảng cũng giống như vậy.



(Hết)

34 Đoạn trích này lấy từ sách Mạnh tử, chương Lương Huệ Vương, phần Hạ. Đây là lời Mạnh tử nói với Tề Tuyên vương, nhân khi vị vua này cho biết mình rất yêu thích âm nhạc. Trong cuộc đối thoại này, Mạnh tử liên kết sự yêu thích âm nhạc của vua với việc cai trị đất nước và nêu ra nguyên tắc chính yếu là: Nếu vua vui thích với việc nghe âm nhạc mà có thể làm cho toàn dân cùng chung vui với mình thì đất nước sẽ được thịnh vượng.

LỜI THƯA

Trong kinh Pháp Cú, đức Phật dạy rằng:

“Pháp thí thắng mọi thí.” Thực hành pháp thí là chia sẻ, truyền rộng lời Phật dạy đến với mọi người. Mỗi người Phật tử đều có thể tùy theo khả năng để thực hành pháp thí bằng những cách thức như sau:

1. Cố gắng học hiểu và thực hành những lời Phật dạy. Tự mình học hiểu càng sâu rộng thì việc chia sẻ, bố thí pháp càng có hiệu quả lớn lao hơn. Nên

nhớ rằng việc đọc sách còn quan trọng hơn cả việc mua sách.

2. Phải trân quý kinh điển, sách vở in ấn lời Phật dạy. Khi có điều kiện thì mua, thỉnh về nhà để tự mình và người trong gia đình đều có điều kiện học hỏi làm theo. Không nên giữ làm của riêng mà phải sẵn lòng chia sẻ, truyền rộng, khuyến khích nhiều người khác cùng đọc và học theo. Không nên để kinh sách nằm yên đóng bụi trên kệ sách, vì kinh sách không có người đọc thì không thể mang lại lợi ích.

3. Tùy theo khả năng mà đóng góp tài vật, công sức để hỗ trợ cho những người làm công việc biên soạn, dịch thuật, in ấn, lưu hành kinh sách, để ngày càng có thêm nhiều kinh sách quý được in ấn, lưu hành.

Thông thường, việc chi tiêu một số tiền nhỏ không thể mang lại lợi ích

lớn, nhưng nếu sử dụng vào việc giúp lưu hành kinh sách thì lợi ích sẽ lớn lao không thể suy lường. Đó là vì đã giúp cho nhiều người có thể hiểu và làm theo lời Phật dạy. Mong sao quý Phật tử khắp nơi đều lưu tâm đóng góp sức mình vào những việc như trên.

TÌNH YẾU THỰC HÀNH PHÁP THÍ

- Mua thỉnh kinh sách về đọc, tự mình sẽ được rất nhiều lợi ích.

- Chia sẻ, truyền rộng bằng cách cho mượn, biếu tặng kinh sách đến nhiều người thì lợi ích ấy càng tăng thêm gấp nhiều lần.

- Đóng góp công sức, tài vật để hỗ trợ công việc biên soạn, dịch thuật, giảng giải, in ấn, lưu hành kinh sách thì công đức lớn lao không thể suy lường, vì có vô số người sẽ được lợi ích từ việc lưu hành kinh sách.

MỤC LỤC

Giới Thiệu Sách Liễu Phàm Tứ Huấn 7

Liễu Phàm Tứ Huấn 11

Học thuyết lập mệnh 13

Phương pháp sửa lỗi 37

Phương pháp tích thiện 50

Hiệu quả đức khiêm 97

Lời thưa 108

Tinh yếu thực hành pháp thí 111



HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM
NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

Địa chỉ: 65 Tràng Thi, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Email: nhaxuatbanhongduc65@gmail.com
Điện thoại: 024.39260024 Fax: 024.39260031

*

Chịu trách nhiệm xuất bản: Giám đốc Bùi Việt Bắc. Chịu trách nhiệm nội dung: Tổng biên tập Lý Bá Toàn. Biên tập: Phan Thị Ngọc Minh. Thiết kế mỹ thuật: Trần Nguyên Hải - 0989100421. Sửa bản in: Minh Trí

*

Đối tác liên kết: Công ty TNHH Quảng cáo và Truyền thông NIB
Liên hệ ấn tống: **0989100421**

*

In 20.000 cuốn, khổ 12cm x 20cm, tại Xí nghiệp in FAHASA, số 774 Trường Chinh, P.15, Q.Tân Bình, TP.HCM. Số XNKHXB: 1336-2022/CXBIPH/03-37/HĐ, QĐXB: 884/QĐ-NXBHĐ. Cấp ngày: 29/04/2022. In xong và nộp lưu chiểu: 2022

ISBN: 978-604-361-643-9



Tất cả kinh sách của Ấn Tạo Kinh Văn đều cúng dường không bán.
Quý vị muốn thỉnh kinh sách xin liên hệ Fanpage: Ấn Tạo Kinh Văn



Ngoài ra có thể nghe pháp âm, đọc pháp ngữ tại:
Kênh Youtube: Pháp Âm Tuyên Lưu
Website: phapamtuyenluu.com